



**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRUNG TÂM  
THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP  
VÀ THƯƠNG MẠI**

**PHÒNG THÔNG TIN  
XUẤT NHẬP KHẨU**

**Địa chỉ:**

Tầng 6, phòng 603,  
tòa nhà Bộ Công Thương,  
655 Phạm Văn Đồng,  
Bắc Từ Liêm - Hà Nội

**Bộ phận biên tập:**  
(024)22192875

**Bộ phận Marketing:**  
(024)37152584  
(024)37152585  
(024)37152586  
Fax: (024)37152574

**THÔNG TIN CHỌN LỌC,  
THEO YÊU CẦU CỦA  
NHÓM CÁC ĐƠN VỊ,  
DOANH NGHIỆP**

## **BẢN TIN**

# **Thông tin Thương mại**

SỐ 2 THÁNG 3 NĂM 2023

## **TRONG SỐ NÀY:**

<b>KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THƯƠNG MẠI .....</b>	<b>2</b>
<b>TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - TIỀN TỆ.....</b>	<b>4</b>
Tín dụng tăng chậm và nổi lo bùng phát nợ xấu .....	4
Biến động tài chính tại Mỹ ảnh hưởng đến tỷ giá USD.....	4
<b>VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN .....</b>	<b>6</b>
Ngành sản xuất lấy lại đà tăng trưởng .....	6
Ba nhóm giải pháp phát triển thị trường trong nước, thúc đẩy xuất khẩu.....	8
<b>THÔNG TIN DỰ ÁN – ĐẦU TƯ.....</b>	<b>12</b>
Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2025 .	12
<b>THÔNG TIN XUẤT NHẬP KHẨU .....</b>	<b>14</b>
Xuất nhập khẩu giấy của Việt Nam tiềm năng tăng trưởng cao.....	14
Xuất khẩu tôm đối mặt nhiều khó khăn trong năm 2023 .....	19
Xuất khẩu cao su giảm trong 2 tháng đầu năm 2023 .....	22
<b>LUÂN CHUYỂN VỐN VÀ ĐẦU TƯ .....</b>	<b>24</b>
Đề xuất gần 10.500 tỷ đồng làm cao tốc đi qua tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk.....	24
Trà Vinh kêu gọi đầu tư 6 dự án khu - cụm công nghiệp vốn 17.447 tỷ đồng .....	25
Đề xuất đầu tư cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua Ninh Bình vốn 8.450 tỷ đồng .....	25
Thái Nguyên sẽ có thêm khu đô thị hơn 2.200 tỷ đồng Sông Công ...	26
<b>VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH MỚI .....</b>	<b>27</b>
Sửa đổi Thông tư về Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN .....	27
Ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ..	28

## THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THƯƠNG MẠI

### KINH TẾ TRONG NƯỚC

Trong bối cảnh bất ổn của kinh tế thế giới, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm cũng bị tác động đáng kể. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất của Việt Nam đã bắt đầu cải thiện khi chỉ số PMI của S&P Global trở lại trên ngưỡng 50 điểm vào tháng 2/2022.

Theo đó, PMI ngành sản xuất Việt Nam tăng từ mức 47,4 điểm trong tháng 1/2023 lên 51,2 điểm vào tháng 2/2023. Kết quả này cho thấy ngành sản xuất đã bắt đầu cải thiện khi suy giảm 3 tháng liên tiếp, chủ yếu do nhu cầu thị trường cải thiện. Trong đó, mức tăng số lượng đơn đặt hàng mới là mạnh nhất kể từ tháng 8/2022 với số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng trong tháng thứ 2 liên tiếp nhờ nhu cầu trên thị trường quốc tế cải thiện.

Sản xuất bắt đầu cải thiện, hoạt động ngoại thương kỳ vọng sẽ phục hồi trong các tháng tới sau khi giảm trong 2 tháng đầu năm 2023. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 2 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 95,8 tỷ USD, giảm 13,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu giảm 10%, đạt 49,6 tỷ USD; nhập khẩu giảm 16,7%, đạt 46,2 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa hai tháng đầu năm 2023 xuất siêu 3,4 tỷ USD.

Trong báo cáo cập nhật kinh tế Việt Nam tháng 3/2023, Ngân hàng Thế giới (WB) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 xuống còn 6,3% do tăng trưởng ở khu vực dịch vụ chững lại, giá cả và lãi suất cao ảnh hưởng đến các nhà đầu tư và hộ gia đình. Tuy nhiên, WB dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ dần được cải thiện từ quý 2/2023 và 2 năm tiếp theo, với dự báo tăng trưởng 6,5% mỗi năm. WB dự báo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2023 của Việt Nam ở mức 4,5% và sẽ

giảm dần xuống mức 3,5% vào năm 2024 và 3,0% vào năm 2025.

Theo WB, triển vọng kinh tế Việt Nam đối mặt với những rủi ro của kinh tế toàn cầu, bao gồm tăng trưởng yếu hơn dự kiến ở các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như Mỹ, Trung Quốc và khu vực đồng Euro, điều kiện huy động tài chính khó khăn, lạm phát trong nước gia tăng... Đây cũng là những rủi ro, thách thức đã được Chính phủ, các bộ, ngành nhận định trong thời gian qua và đang nỗ lực từng bước tháo gỡ cho nền kinh tế. Trong tuần vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thông báo điều chỉnh giảm lãi suất điều hành từ ngày 15/3/2023 để tăng tính thanh khoản và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên mức lãi suất cơ bản ở mức 6,0%, nhưng cắt giảm lãi suất tái chiết khấu từ 4,5%/năm xuống 3,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng (TCTD) giảm từ 7%/năm xuống 6%/năm; Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ 5,5%/năm xuống 5%/năm; Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 6,5%/năm xuống 6%/năm.

Mặc dù Ngân hàng Nhà nước không giảm trần lãi suất huy động, nhưng việc cắt giảm một số lãi suất điều hành như lãi suất tái chiết khấu (giảm về 3,5%/năm), lãi suất cho vay qua đêm của NHNN đối với TCTD (giảm về 6%/năm) cũng sẽ có tác động tới mặt bằng lãi suất trên thị trường 1. Sau quyết định của Ngân hàng Nhà nước, một số ngân hàng đã điều chỉnh biểu lãi suất huy động và giảm khoảng 0,5 điểm phần trăm ở nhiều kỳ hạn.

## KINH TẾ THẾ GIỚI

Những thông tin công bố trong tuần vừa qua cho thấy kinh tế Trung Quốc và EU cải thiện, trong khi kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại. Trong khi đó, việc 3 ngân hàng tại Mỹ phá sản và sự khó khăn của ngân hàng Credit Suisse đang làm dấy lên lo ngại về một cuộc khủng hoảng mới trong lĩnh vực ngân hàng sẽ diễn ra. Lãi suất tăng nhanh trên toàn cầu đã khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc trả nợ gốc và lãi, làm gia tăng nguy cơ thua lỗ đối với các ngân hàng giữa lúc nguy cơ suy thoái kinh tế tiềm ẩn.

Tại Mỹ: Kinh tế Mỹ có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại với doanh số bán lẻ trong tháng 2/2023 giảm nhiều hơn dự báo. Theo Bộ Thương mại Mỹ, doanh số bán lẻ tại nước này giảm 0,4% trong tháng 2/2023, xuống 698 tỷ USD, so với mức đã điều chỉnh 701 tỷ USD của tháng 1/2023. Doanh số bán lẻ tại Mỹ giảm sau khi tăng mạnh vào đầu năm do lạm phát cao gây khó khăn cho người tiêu dùng. Trong khi đó, giá tiêu dùng tại Mỹ tiếp tục tăng chậm lại trong tháng 2/2023. Tỷ lệ lạm phát CPI tháng 2/2023 của Mỹ hạ nhiệt, chỉ tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng thấp nhất kể từ tháng 9/2021 và tỷ lệ CPI cơ bản (không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng) tăng 5,5% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng thấp nhất kể từ tháng 12/2021. Tuy nhiên, các chỉ số về lạm phát vẫn vượt xa mức mục tiêu 2% mà Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đặt ra.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lõi của Mỹ tiếp tục tăng cao trong tháng 2/2023 đang gây áp lực cho Cục Dự trữ Liên bang (Fed) khi phải cân nhắc giữa việc kiềm chế lạm phát vẫn đang ở mức cao với khắc phục những vấn đề hiện nay của lĩnh vực ngân hàng, sau khi 3 ngân hàng tại Mỹ phá sản trong tuần trước đó.

Tại Trung Quốc: Hoạt động kinh tế của Trung Quốc đã phục hồi trong 2 tháng đầu năm 2023 khi tiêu dùng và đầu tư cơ sở hạ tầng thúc đẩy đà phục hồi sau sự gián đoạn của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn đối mặt những thách thức

về nhu cầu toàn cầu yếu và sự suy thoái trong lĩnh vực bất động sản.

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), sản lượng công nghiệp của nước này trong 2 tháng đầu năm 2023 tăng hơn 2,4% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng 1,3% trong tháng 12/2022, nhưng thấp hơn so với dự báo tăng 2,6%. Doanh số bán lẻ trong 2 tháng đầu năm 2023 tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2022, sau khi giảm 1,8% trong tháng 12/2022.

Tuy nhiên, nền tảng phục hồi kinh tế Trung Quốc được đánh giá là chưa vững chắc khi xuất khẩu giảm và những khó khăn trong lĩnh vực bất động sản chưa được giải quyết triệt để đã ảnh hưởng đến đà phục hồi. Để thúc đẩy tăng trưởng, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã tăng cường bơm thanh khoản tháng thứ tư liên tiếp, song vẫn giữ nguyên lãi suất. Theo đó, Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã bơm 481 tỷ Nhân dân tệ thông qua lãi suất công cụ cho vay trung hạn (MLF) kỳ hạn 1 năm ở mức 2,75% so với mức 2,75% trước đó và bơm 104 tỷ Nhân dân tệ thông qua hợp đồng repo nghịch đảo 7 ngày ở mức 2,00% so với mức 2,00% trước đó. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cũng mở rộng quy mô cơ sở cho vay trung hạn tháng thứ ba liên tiếp trong tháng 2/2023, qua đó giúp các ngân hàng cung cấp các khoản vay và hỗ trợ tăng trưởng.

Tại châu Âu: Các thông tin kinh tế công bố trong tuần cho thấy kinh tế khu vực đầu năm 2023 có tín hiệu khả quan khi thương mại bán lẻ tăng, lĩnh vực sản xuất cũng dần phục hồi. Theo Eurostat, tháng 1/2023, thương mại bán lẻ của cả khu vực đồng Euro và Liên minh châu Âu cùng tăng 0,3% so với tháng trước đó, sau khi giảm 1,7% ở khu vực đồng Euro và giảm 1,6% tại EU trong tháng 12/2022. Sản xuất công nghiệp ở khu vực đồng Euro tháng 1/2023 tăng 0,7% so với tháng trước đó, phục hồi sau mức giảm 1,3% trong tháng 12/2022, trái ngược so với mức dự báo giảm 0,4% trước đó. So với tháng 1/2022, sản lượng công nghiệp khu vực đồng Euro tăng 0,9% trong tháng 1/2023, phục hồi so với mức giảm 2% trong tháng 12/2022 và khả quan hơn so với mức dự báo tăng 0,2%.

## TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG – TIỀN TỆ

### Tín dụng tăng chậm và nỗi lo bùng phát nợ xấu

Đầu năm 2023, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cấp một đợt room tín dụng cho các ngân hàng để đẩy vốn ra thị trường và hỗ trợ các doanh nghiệp. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng của NHNN trong năm 2023 là đạt từ 14 – 15%. Tuy nhiên, do khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế thấp nên tính đến ngày 24/02, mức tăng trưởng tín dụng chỉ tăng 0,77% so với cuối năm 2022. Mặc dù hệ thống thanh khoản dồi dào, điều kiện cho vay được giữ nguyên và các ngân hàng không bị hạn chế về room tín dụng nhưng mức tăng trưởng vẫn chậm hơn nhiều so cùng kỳ năm 2022. Vì vậy, dự báo trong năm 2023, tín dụng sẽ tăng từ 10 – 12% và thấp hơn so với mục tiêu đề ra của NHNN. Những nguyên nhân khiến tăng trưởng tín dụng ở mức chậm trong quý I/2023 có thể kể đến như:

- Hai tháng đầu năm 2023 trùng với dịp Tết Nguyên đán kéo theo tín dụng cả quý I chậm hơn so với cùng kỳ năm trước;
- Nhiều doanh nghiệp trong nước vẫn chịu ảnh hưởng từ dịch Covid - 19 và chưa thực sự hồi phục hoàn toàn nên không đáp ứng được các điều kiện vay vốn và khó tiếp cận với tín dụng. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp hiện nay không mở rộng hoạt động kinh doanh do lãi suất cao và số lượng đơn hàng bị suy giảm so với năm 2022 nên nhu cầu vay vốn không cao như trước đây. Thay vì vay vốn, nhiều doanh nghiệp đang nỗ lực xử lý các khoản vay để giảm áp lực tài chính.
- Tình hình lạm phát tại các nước trên thế giới vẫn tăng mạnh. Sức mua ở các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU ... suy giảm kéo theo các đơn hàng xuất khẩu sang các thị trường này cũng giảm mạnh.
- Tín dụng bất động sản thấp so với các năm trước. Mặc dù tăng trưởng tín dụng bất động sản vẫn cao hơn so với tăng trưởng tín dụng chung của nền kinh tế nhưng do khó khăn về vấn đề pháp lý nên đây vẫn là một tháo gỡ chưa được giải quyết, ảnh hưởng đến hoạt động giải ngân tín dụng của các ngân hàng.

Hiện nay, bên cạnh nỗi lo về tăng trưởng tín dụng là nguy cơ bùng phát nợ xấu. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu ngân hàng vẫn có thể kiểm soát nhưng trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, tỷ giá chịu áp lực tăng, thời kỳ hậu đại dịch Covid 19... các doanh nghiệp ở một số lĩnh vực sẽ gặp nhiều khó khăn. Kể từ ngày 06/03, các ngân hàng thương mại sẽ đồng loạt giảm toàn bộ 0,5%/năm với lãi suất huy động so với mức hiện hành, riêng các ngân hàng có vốn nhà nước sẽ giảm lãi suất 0,2%/năm, áp dụng cho các kỳ hạn từ 6 – 12 tháng. Lãi suất huy động giảm dần theo các đợt nhưng lãi suất cho vay giảm khá chậm, lãi suất cho vay phát sinh mới giảm bình quân khoảng 0,4%/năm so với cuối năm 2022, từ 10 - 15%/năm tùy theo khoản vay. Chiều ngày 14/03, NHNN đã có thông báo mới về việc giảm 1% các loại lãi suất điều hành gồm tái chiết khấu và cho vay qua đêm, giảm từ 5,5% xuống 5%/năm với lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng tiền đồng cho lĩnh vực ưu tiên. Việc giảm lãi suất điều hành của NHNN là định hướng quan trọng cho các ngân hàng thương mại về việc giảm lãi suất cho vay, giúp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp. Dự báo trong quý II/2023, lãi suất cho vay sẽ giảm nhiều hơn, tuy nhiên vẫn có nhiều yếu tố tác động đến tỷ giá và lãi suất như tình hình thế giới, lạm phát trong nước ...

### Biến động tài chính tại Mỹ ảnh hưởng đến tỷ giá USD

Hai tuần đầu tháng 03/2023, tỷ giá USD cho thấy sự ảnh hưởng từ những biến động trên thị trường tài chính thế giới, trong bối cảnh dữ liệu việc làm Mỹ được công bố và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) thông tin về khả năng tăng lãi suất của Ngân hàng Trung ương.

Tại thị trường trong nước, sau các phiên biến động nhẹ đầu tháng 3, đến phiên ngày 07/03, tỷ giá đồng USD đảo chiều và ghi nhận đà giảm mạnh tại đa số các ngân hàng thương mại so với phiên giao dịch trước đó,



cụ thể ngân hàng Vietcombank niêm yết tỷ giá USD ở mức 23.480 – 23.850 VND/USD (mua vào - bán ra), giảm mạnh 50 đồng cả hai chiều so với phiên giao dịch trước đó và giảm 45 đồng so với phiên ngày 02/03. Càng về những phiên giữa tháng, đồng USD trong nước càng lao dốc mạnh, tính đến phiên giao dịch ngày 16/03, ngân hàng Vietcombank niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.390 - 23.760 đồng/USD, tăng 20 đồng ở cả chiều mua và bán so với mức niêm yết liền trước, nhưng giảm mạnh 135 đồng so với phiên ngày 02/03, tương đương với 0,56%; BIDV niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.420 - 23.720 đồng/USD, giảm 20 đồng/USD cả chiều mua và chiều bán ra so với mức niêm yết trước.

Tỷ giá trung tâm trong các phiên giao dịch đầu tháng 03/2023 cũng ghi nhận xu hướng giảm trên thị trường. Sau các phiên giảm từ đầu tháng, đến phiên ngày 09/03, tỷ giá trung tâm cho thấy đà tăng nhẹ, được niêm yết ở mức 23.640 VND/USD, tăng 8 đồng so với phiên giao dịch liền trước và tăng 2 đồng so với phiên ngày 02/03, tương đương với 0,008%. Tính đến phiên giao dịch ngày 16/03, tỷ giá trung tâm suy giảm dần, được niêm yết ở mức 23.622 VND/USD, tăng 3 đồng so với phiên ngày 15/03 và giảm 16 đồng so với phiên giao dịch ngày 02/03, tương đương với 0,07%. Với biên độ +/- 5% đang được áp dụng, tỷ giá trần và tỷ giá sàn của các ngân hàng hiện là 24.803 VND/USD và 22.441 VND/USD.

#### Giá bán một số ngoại tệ tại NHTM (Theo giá bán của VCB)

Mã NT	Ngày 16/03/2023	So với hai tuần trước (%)	So với đầu năm 2022 (%)	So với đầu năm 2021 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
AUD	15,900.21	-2,39	-4,73	-11,69	-1,19
CAD	17,441.27	-1,71	-3,77	-5,30	-2,96
CHF	25,776.47	0,49	2,27	-2,86	7,18
EUR	25,707.93	-1,24	-2,93	-11,20	-2,55
GBP	28,941.50	-0,18	-7,64	-9,68	-5,26
HKD	3,053.95	-0,56	2,94	0,96	1,73
JPY	182.74	1,86	-9,15	-19,78	-14,25
KRW	18.96	-0,89	-5,11	-15,43	-9,84
MYR	5,293.78	-1,41	-3,47	-9,02	-7,55
SGD	17,759.16	-1,14	4,27	0,03	2,79
THB	695.68	-0,14	-0,32	-11,28	-11,02
USD	23,760.00	-0,56	3,76	2,46	2,28
Tỷ giá TT	23.622	-0,07	2,14	2,12	1,94

(Nguồn: Vietcombank và Ngân hàng Nhà nước)

Trên thị trường tài chính thế giới, chỉ số đô la Mỹ (DXY), đo lường biến động của đồng USD so với 6 đồng tiền chủ chốt chứng kiến các đợt biến động mạnh trên thị trường sau những diễn biến mới của tình hình thế giới. Trước phiên điều trần của FED trước Quốc hội Mỹ, chỉ số DXY chứng kiến các đợt tăng giảm nhẹ, đến phiên ngày 08/03, chỉ số DXY tăng lên mức 105,628 điểm – chạm mức cao nhất trong 3 tháng, tăng 1,033% so với phiên ngày 02/03, sau khi chủ tịch FED cảnh báo về việc lãi suất sẽ phải tăng mạnh hơn và cao hơn dự kiến để kiềm chế lạm phát. Sau các đợt tăng giảm tiếp theo trong bối cảnh tình hình việc làm tại Mỹ có biến động, tính đến phiên giao dịch ngày 16/03, chỉ số DXY được niêm yết ở mức 104,75 điểm, tăng 0,74 điểm so với phiên ngày liền trước và tăng 0,19% so với phiên ngày

02/03. Sau khi hai ngân hàng lớn của Mỹ là Silicon Valley Bank (SVB) và Signature (trụ sở New York) sụp đổ, các nhà đầu tư lo ngại về một cuộc khủng hoảng tài chính lớn và dự báo FED sẽ không tiếp tục tăng lãi suất mạnh trong thời gian ngắn, bởi mục tiêu của FED vẫn là giữ ổn định thị trường và kiềm chế lạm phát.

Trong các phiên giao dịch đầu tháng 3, đồng Euro và đồng bảng Anh ghi nhận các đợt tăng liên tiếp trên thị trường trong bối cảnh lộ trình chính sách tiền tệ của FED chưa rõ ràng và những biến động kinh tế tại Mỹ gây bất lợi cho đồng USD. Trong phiên giao dịch ngày 03/03, đồng Euro tăng 0,09% lên 1,0607 USD, thoát khỏi mức thấp nhất trong gần hai tháng qua vào phiên đầu tuần. Tương tự, đồng bảng Anh cũng tăng 0,13% lên mức 1,1962 USD. Ngân hàng Trung

ương châu Âu (ECB) sẽ kết thúc cuộc họp vào cuối ngày 16/03 và dự kiến sẽ công bố quyết định lãi suất, tuy nhiên bất ổn tài chính thế giới sau sự sụp đổ của SVB nhiều khả năng sẽ tác động đến quyết định tăng lãi suất của ECB. Tính đến phiên ngày 16/03, đồng Euro ghi nhận đà tăng nhẹ so với phiên

giao dịch liền trước, ở mức 1 Euro đổi 1,0591 USD, nhưng giảm 0,58% so với phiên ngày 02/03. Đồng bảng Anh cũng ghi nhận đà tăng trên thị trường, ở mức 1 đồng bảng Anh đổi 1,20653 USD, tăng 0,47% so với phiên ngày 02/03.

### Tỷ giá một số đồng tiền giao dịch chủ yếu trên thế giới

Cặp tỷ giá	Ngày 16/03/2023	So với hai tuần trước đó (%)	So với đầu năm 2022 (%)	So với đầu năm 2021 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Eur/USD	1,0591	-0,58	-6,39	-14,09	-5,52
GBP/USD	1,20653	0,47	-10,86	-11,30	-8,72
USD/INR	82,819	0,37	11,22	13,26	16,08
USD/AUD	1,51087	1,92	8,54	17,78	5,78
USD/CAD	1,37594	1,13	7,65	8,56	6,05
USD/ZAR	18,4075	7,18	15,51	22,22	31,68
USD/NZD	1,6265	1,41	10,03	18,62	9,35
USD/JPY	132,907	-2,54	14,73	28,86	22,15
USD/SGD	1,35128	0,48	-0,55	2,49	0,32
USD/CNY	6,90997	0,33	8,41	7,02	-0,78

(Nguồn: xe.com)

## VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

### Ngành sản xuất lấy lại đà tăng trưởng

Thời gian tới cần chủ động các giải pháp bảo đảm cung ứng đầy đủ nguyên vật liệu lấy lại đà tăng trưởng phục hồi ngành sản xuất.

#### Sản xuất cải thiện do nhu cầu của thị trường

S&P Global vừa công bố báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 02/2023, trong đó, có 3 điểm nhấn nổi bật: Sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tăng trở lại; Thời gian giao hàng của nhà cung cấp được rút ngắn tháng thứ hai liên tiếp; Chi phí tăng đạt mức cao của 8 tháng.

Theo đó, chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI ngành sản xuất Việt Nam đạt 47,4 điểm trong tháng 1/2023, tăng so với mức 46,4 điểm trong tháng 12/2023. Sức khỏe ngành sản xuất đã bắt đầu cải thiện sau thời kỳ suy giảm kéo dài ba tháng.

Cụ thể, chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam đã tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm vào tháng 2/2023 (từ mức 47,4 điểm trong tháng 1/2023 lên mức 51,2 điểm). Điều này cho thấy ngành sản xuất của Việt Nam trong

tháng 2/2023 đã ghi nhận tăng trưởng trở lại khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại với sự hỗ trợ của tình trạng tăng sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng.

Trong khi đó, báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2023 cho thấy, sản xuất công nghiệp tháng 2/2023 ước tính tăng 5,1% so với tháng trước do số ngày làm việc nhiều hơn và người lao động đã quay trở lại làm việc trong doanh nghiệp. So với cùng kỳ năm trước, sản xuất công nghiệp tháng 2/2023 tăng 3,6%. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 7%; ngành chế biến, chế tạo tăng 3,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 2,8%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6%

Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp ước giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 5,6%) do kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, biến động khó lường, lạm phát các nước mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, đơn hàng giảm, kim ngạch xuất khẩu giảm.

Ở chiều ngược lại, chỉ số sản xuất công nghiệp của một số ngành tăng so với cùng kỳ

năm trước: Sản xuất đồ uống tăng 32,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 20%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 6,5%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 6,1%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 6%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 4,3%; khai thác quặng kim loại tăng 4,2%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp hai tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 44 địa phương và giảm ở 19 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Tuyên Quang tăng 26,3%; Hải Phòng tăng 14,4%; Hải Dương và Phú Thọ tăng 14,3%; Kon Tum tăng 13,4%; Bắc Giang tăng 11,9%; An Giang tăng 11,8%; Hậu Giang tăng 8,9%.

Sự sụt giảm của chỉ số công nghiệp 2 tháng đầu năm có nguyên nhân khách quan từ việc sức mua trong nước dù đã khôi phục nhưng vẫn còn yếu, chưa kích thích sản xuất, đầu tư và tiêu dùng, hoạt động mua hàng trở lại giảm. Sự thiếu hỗ trợ giữa thị trường nội địa và các ngành sản xuất hay liên kết giữa thị trường nội địa và khu vực sản xuất yếu. Các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn trong việc tiếp cận vốn, lãi suất ngân hàng và chi phí đầu vào nguyên vật liệu vẫn ở mức cao, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đang ở trong bối cảnh khó khăn do thiếu đơn hàng, khả năng hấp thụ vốn đã bắt đầu giảm.

Đặc biệt, sức ép lạm phát, lãi suất gia tăng cũng đã trực tiếp ảnh hưởng đến việc tiêu dùng các sản phẩm xa xỉ, đơn cử như ô tô.

### **Thúc đẩy sản xuất công nghiệp tạo đà cho những tháng tiếp theo**

Thời gian tới cần chủ động các giải pháp bảo đảm cung ứng đầy đủ nguyên vật liệu, năng lượng để đáp ứng yêu cầu phục hồi sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án công nghiệp quan trọng; hỗ trợ tối đa các nhà máy duy trì và khôi phục sản xuất để giữ đơn hàng, chuỗi cung ứng.

Cùng với việc tháo gỡ khó khăn cho các dự án của ngành Công Thương, sẽ tập trung tạo điều kiện thuận lợi để đưa các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng đi vào vận hành, đặc biệt là các dự án liên quan đến khai thác, chế biến khoáng sản, quy mô lớn các dự án thép tại Nam Định, Bình Định và Phú Yên.

Đồng thời, triển khai hiệu quả sau khi Quy hoạch khoáng sản được phê duyệt để nhằm tạo thêm nguồn lực mới và đồng thời tập trung phát triển công nghiệp vật liệu phục vụ cho chính công nghệ sản xuất, chế biến, chế tạo trong nước.

Thực tế cho thấy, dung lượng thị trường trong nước còn nhỏ, chưa đảm bảo quy mô công suất sản xuất kinh tế đối với các sản phẩm công nghiệp, trong khi đó thị trường xuất khẩu phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đặc biệt từ các đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc, Ấn Độ...

Do đó, cần tập trung nguồn lực Nhà nước để phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên sử dụng hàng hóa trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa, từ đó mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam.

Dù vậy, việc các nước công nghiệp phát triển tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đa dạng hoá nguồn cung, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, đa dạng hoá đầu tư đang là cơ hội cho Việt Nam trở thành một trung tâm sản xuất và xuất khẩu quan trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng của các ngành sản xuất công nghệ cao đang hướng về khu vực các nước châu Á. Các chính sách kích cầu đầu tư công và hỗ trợ doanh nghiệp của nhà nước phát huy tác dụng trong việc phục hồi các hoạt động sản xuất. Một số dự án lớn về hạ tầng, công nghiệp dự kiến sẽ được khởi động và tiến hành trong cuối 2022 và năm 2023 sẽ là các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng đáng kể cho các ngành công nghiệp.

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh phát triển sản xuất trong nước thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tăng cường rà soát các tồn đọng ở các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng, tháo gỡ khó khăn để sớm đi vào vận hành; bám sát

tiến độ, tháo gỡ khó khăn để sớm đưa vào vận hành các công trình dự án trọng điểm, có vai trò quan trọng trong lĩnh vực điện, dầu khí, công nghiệp chế biến, chế tạo, khoáng sản... nhằm gia tăng năng lực sản xuất mới và tạo chủ động nguồn cung nguyên, nhiên vật liệu, phát triển bền vững sản xuất.

## Ba nhóm giải pháp phát triển thị trường trong nước, thúc đẩy xuất khẩu

*Trong bối cảnh tình hình quốc tế thời gian tới vẫn còn diễn biến phức tạp, thời gian tới cần tập trung triển khai các giải pháp thúc đẩy phục hồi thị trường nội địa, phát triển mạnh mẽ thị trường truyền thống, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và gia tăng năng lực sản xuất trong nước.*

### Sản xuất, xuất khẩu chịu ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu

Hai tháng đầu năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, tăng trưởng GDP năm 2023 dự báo thấp hơn năm 2022 khoảng 0,5% - 1%. Kinh tế Mỹ và EU tăng trưởng dưới 1% và không loại trừ khả năng suy thoái. Các nền kinh tế mới nổi, đang phát triển phục hồi khó khăn hơn, tăng trưởng giảm. Lạm phát vẫn còn ở mức cao tại nhiều quốc gia khiến xu hướng thắt chặt tiền tệ - lãi suất được dự báo sẽ tiếp tục trong nửa đầu năm 2023. Giá năng lượng vẫn có thể biến động do xung đột tại Ucraina và sự phục hồi khá mạnh của nền kinh tế Trung Quốc. Thị trường bất động sản tại nhiều quốc gia suy giảm mạnh, ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất, làm gia tăng rủi ro lên thị trường tài chính, tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp... dẫn tới các hệ lụy khiến tổng cầu thế giới giảm sút; nhu cầu các thị trường xuất khẩu lớn suy yếu...

Ở trong nước, do tác động từ suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, biến động thị trường, điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn và sự gia tăng bảo hộ thương mại của các nước nhập khẩu dẫn tới sản xuất, xuất khẩu gặp nhiều khó khăn. Cán cân thương mại được dự báo tiếp tục cải thiện, tuy nhiên xuất khẩu sẽ đối mặt với các thách thức chung của các thị trường đối tác. Nhu

Đồng thời, tiếp tục tổ chức kết nối các doanh nghiệp trong nước tham gia được vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp lớn toàn cầu; xây dựng chương trình hỗ trợ, hợp tác đẩy mạnh tiêu dùng các sản phẩm công nghiệp.

cầu thị trường trong nước tăng không cao, lạm phát xu hướng tăng ảnh hưởng đến hồi phục và phát triển kinh tế.

Trước tình hình đó, Bộ Công Thương thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bám sát tình hình quốc tế và trong nước, dự báo được tình hình từ cuối năm 2022 và đã thực hiện nhiều giải pháp như: tổ chức Hội nghị thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam với các nhà cung cấp nước ngoài thông qua các kênh xúc tiến thương mại, hệ thống Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài.

Đồng thời, hỗ trợ thông tin ở từng thị trường xuất khẩu, duy trì thị trường truyền thống và tháo gỡ rào cản để thâm nhập các thị trường xuất khẩu mới; song song với triển khai nhiều hoạt động và các giải pháp kích cầu tiêu dùng nội địa, kết nối tiêu thụ sản phẩm...

Theo thống kê, 2 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2022; tổng kim ngạch xuất nhập giảm khoảng 13%, trong đó xuất khẩu ước đạt 49,45 tỷ USD, giảm 10,4%; nhập khẩu ước đạt 46,6 tỷ USD, giảm 16%; song cán cân thương mại tiếp tục ở mức xuất siêu 2,82 tỷ USD. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 13% so với cùng kỳ năm 2022, quy mô và tốc độ tăng đang dần bắt kịp với với tốc độ tăng của cùng kỳ các năm trước dịch bệnh.

Dự báo, tình hình quốc tế thời gian tới vẫn còn diễn biến phức tạp. Kinh tế thế giới đang ở giai đoạn khó khăn, hồi phục chậm, lạm phát và lãi suất duy trì mức cao, tổng cầu giảm. Xung đột tại Ucraina tiếp tục ảnh



hường tiêu cực khiến đầu tư giảm và gián đoạn. Các nước phát triển ngày càng có nhiều tiêu chuẩn mới, quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng và hàng hóa nhập khẩu, trong khi việc Trung Quốc mở cửa trở lại làm gia tăng sự cạnh tranh trên các thị trường xuất khẩu của Việt Nam...

Ở trong nước, sức mua vẫn hồi phục chậm, sản xuất vẫn sẽ khó khăn do thiếu hụt đơn hàng. Việc tiếp cận vốn, lãi suất ngân hàng và chi phí đầu vào nguyên vật liệu vẫn ở mức cao. Thị trường bất động sản suy giảm và nhu cầu thế giới giảm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều ngành sản xuất có liên quan như: ngành thép, vật liệu xây dựng, cơ khí...

Tuy nhiên, vẫn có những dấu hiệu tích cực. Một số nền kinh tế là thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như Trung Quốc, Mỹ, ASEAN tăng trưởng khả quan. Các chính sách kích cầu đầu tư công và hỗ trợ doanh nghiệp của nhà nước phát huy tác dụng trong việc phục hồi các hoạt động sản xuất. Cam kết của Việt Nam hướng tới sản xuất sản phẩm xanh, bảo vệ môi trường tại COP26 sẽ tạo lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

### Ba nhóm giải pháp trọng tâm

Trong bối cảnh đó, Bộ Công Thương đề ra 3 nhóm giải pháp chính để phát triển thị trường trong nước và thúc đẩy xuất khẩu thời gian tới.

*Một là*, tập trung phát triển mạnh mẽ thị trường nội địa.

Theo đó, thực hiện có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử để mở rộng tiêu dùng nội địa.

Tổ chức đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Chương trình, đề án về phát triển thương mại trong nước.

Đổi mới phương thức, lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong nước vào các chương trình kích

cầu tiêu dùng, các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa và thực hiện tốt các chương trình bình ổn thị trường.

Hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng, bảo vệ thương hiệu cho các chuỗi phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước; quảng bá các đặc sản vùng miền, sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam.

Chú trọng đầu tư hiện đại hóa hệ thống phân phối ở vùng nông thôn, miền núi để đẩy mạnh đưa hàng Việt về nông thôn; theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả, thị trường các mặt hàng thiết yếu để điều hành phù hợp, hiệu quả, bảo đảm nguồn cung về điện, xăng dầu cho thị trường trong mọi tình huống.

Xử lý nghiêm đối với các hành vi buôn lậu, hàng giả, tạo điều kiện thuận lợi cho hàng Việt Nam phát triển trên thị trường nội địa.

*Hai là*, đẩy mạnh phát triển thị trường truyền thống, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Theo đó, tiếp tục theo sát diễn biến của kinh tế thế giới, nhất là các điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản... ảnh hưởng tới thương mại với Việt Nam, từ đó kịp thời đưa ra cảnh báo cho cộng đồng doanh nghiệp và tham mưu cho Chính phủ các phản ứng chính sách phù hợp.

Phát triển các thị trường khu vực Bắc Âu, Đông Âu, Mỹ Latinh còn nhiều dư địa khai thác. Thúc đẩy đàm phán các FTA mới như FTA với các nước khối Mercosur (Brazil, Argentina, Uruguay, Paraguay) để đưa FTA này thành động lực khai thác thị trường Mỹ Latinh. Tranh thủ sự hồi phục nhanh của các thị trường khu vực ASEAN và một số nước châu Á để đẩy mạnh xuất khẩu.

Đánh giá toàn diện các biện pháp mở cửa trở lại của Trung Quốc, tranh thủ, tận dụng cơ hội giao lưu hợp tác giữa hai bên để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa. Nâng cao hiệu quả và điều tiết tốt tốc độ thông quan tại cửa khẩu và thực hiện hiệu quả đề án xuất khẩu chính ngạch.

Triển khai hiệu quả “Đề án thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu trực tiếp vào

mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030” và tập trung xây dựng Chiến lược phát triển các thị trường đến năm 2030 để có định hướng tổ chức thực hiện bài bản, hiệu quả.

Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA đã ký kết khai thác hiệu quả các thị trường thông qua triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại; tiếp tục tổ chức giao ban xúc tiến thương mại định kỳ với các cơ quan Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài; phối hợp với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài cung cấp thông tin thị trường, tư vấn chính sách, quy định và nhu cầu thị trường cho các nhà xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững đáp ứng tiêu chuẩn và quy định ngày càng khắt khe của các nước phát triển; Xu hướng phát triển bền vững, xanh hóa trong các ngành tiêu dùng, thời trang của EU; Các quy định mới trong việc thẩm định chuỗi cung ứng của các quốc gia EU đối với các ngành hàng xuất khẩu...

*Ba là*, đẩy mạnh phát triển sản xuất trong nước.

Theo đó, rà soát các tồn đọng ở các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng, tháo gỡ khó khăn để sớm đi vào vận hành; bám sát tiến độ, tháo gỡ khó khăn để sớm đưa vào vận hành các công trình dự án trọng điểm, có vai trò quan trọng trong lĩnh vực điện, dầu khí, công nghiệp chế biến, chế tạo, khoáng sản... nhằm gia tăng năng lực sản xuất mới và tạo chủ động nguồn cung nguyên, nhiên vật liệu, phát triển bền vững sản xuất.

Tiếp tục tổ chức kết nối các doanh nghiệp trong nước tham gia được vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp lớn toàn cầu. Xây dựng chương trình hỗ trợ, hợp tác đẩy mạnh tiêu dùng các sản phẩm công nghiệp.

Để thực hiện được các giải pháp nêu trên, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu, Bộ Công Thương kiến nghị Chính phủ:

*Thứ nhất*, sớm phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để sớm đưa vào khai thác, sử dụng, tạo nguồn động lực tăng trưởng mới; đồng thời bảo đảm tự chủ một phần nguồn cung nguyên liệu cho các ngành luyện kim, vật liệu trong nước.

*Thứ hai*, sớm phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) để ngoài việc phát triển điện lực còn giúp tạo dựng thị trường cho các ngành cơ khí năng lượng (như chế tạo các thiết bị điện gió, điện mặt trời, điện khí...) phát triển mạnh trong thời gian tới.

*Thứ ba*, để tăng cường sức mua nhằm phục hồi thị trường ô tô, duy trì và thúc đẩy hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước, trên cơ sở đề xuất của các doanh nghiệp trong ngành và một số địa phương (như của UBND tỉnh Quảng Nam), đề nghị Chính phủ xem xét, chỉ đạo Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước phối hợp nghiên cứu, tiếp tục trình ban hành một số chính sách hỗ trợ về tài chính cho ngành, như tiếp tục ban hành chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước trong năm 2023 và tiếp tục ban hành chính sách ưu đãi lệ phí trước bạ cho ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước trong thời hạn nhất định (6 tháng hoặc đến hết năm 2023).

*Thứ tư*, chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước có chính sách điều hành tín dụng sao cho nguồn vốn tín dụng chảy vào khu vực sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt là khu vực chế biến, chế tạo để tiếp sức cho doanh nghiệp; xem xét điều chỉnh lãi suất cho vay đối với sản xuất và tiêu dùng để kích thích nhu cầu mua sắm của người dân.

Bộ Công Thương cũng kiến nghị các địa phương phối hợp với các Bộ, ngành đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu. Tham dự Hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài hàng tháng và các buổi đối thoại doanh nghiệp.

## Doanh nghiệp cần tận dụng tối đa những ưu đãi từ Hiệp định UKVFTA

### Tận dụng tốt hơn những ưu đãi từ Hiệp định UKVFTA

Hiệp định UKVFTA ngoài lộ trình cắt giảm thuế quan sâu rộng, một mặt tạo lợi thế rõ ràng cho nhiều sản phẩm có thể mạnh của hai nước thâm nhập thị trường của nhau (với Việt Nam là các ngành hàng như: điện thoại, máy móc, dệt may, giày dép, thủy sản, đồ gỗ, sắt thép, cà phê, hạt điều ...; với Vương quốc Anh, đó là lĩnh vực máy móc, dược phẩm, hóa chất, nguyên phụ liệu da giày, ô tô cũng như các lĩnh vực dịch vụ như tài chính, vận tải, bán lẻ...); mặt khác, với các cam kết liên quan đến phát triển bền vững, Hiệp định còn là khuôn khổ quan trọng cho các hoạt động hợp tác về thương mại xanh và công bằng, xu thế phát triển quan trọng trên toàn cầu nhằm đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững.

Việc phát triển xanh đang là xu hướng phát triển quan trọng trên toàn cầu nhằm đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững. Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi để thực hiện những cam kết quốc tế về phát triển bền vững, tiết kiệm năng lượng và cam kết về khí hậu.

Đối với các doanh nghiệp, đây cũng là cơ hội để tạo ra hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường, là cơ hội để hàng hóa thích ứng với các tiêu chuẩn ngày càng cao liên quan đến bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. Cần lưu ý rằng, quá trình để đạt mục tiêu về trung hòa các bon sẽ làm chuyển dịch lợi thế so sánh xuất khẩu từ các lĩnh vực thâm dụng nhiều lao động và năng lượng sang các lĩnh vực áp dụng kỹ thuật tiên tiến hơn, xanh hơn. Nhận thức này rất quan trọng, các doanh nghiệp phải hiểu rõ vấn đề này.

Bộ Công Thương Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các Bộ, ngành, đối tác liên quan của Vương quốc Anh, với Đại sứ quán Vương quốc Anh tại Việt Nam, để thúc đẩy các dự án trong các lĩnh vực đang là xu thế phát triển của thế giới, như: năng lượng tái tạo, công nghiệp môi trường, xuất nhập khẩu

xanh.. phát huy tốt hơn nữa dư địa còn rất lớn về hợp tác giữa hai Bên. Mong muốn Vương quốc Anh có những hỗ trợ hiệu quả cho Việt Nam (đặc biệt là trong nâng cao hiểu biết xã hội, năng lực quản trị, hỗ trợ doanh nghiệp) trong các vấn đề rất mới nhưng đã trở nên bức thiết này.

Bộ Công Thương sẽ tiếp tục xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thân thiện và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, trong đó có các doanh nghiệp Vương quốc Anh được tiếp cận các nguồn lực và cơ hội đầu tư để hiện thực hóa các ý tưởng, hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả tại Việt Nam, góp phần đưa mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước ngày càng đi vào thực chất và hiệu quả hơn.

### Các nhà đầu tư Anh quan tâm đến vấn đề môi trường và khí hậu

Hiện các nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm cả nhà đầu tư Anh, đang ngày càng quan tâm hơn đối với vấn đề môi trường và khí hậu. Mặt khác, Việt Nam rất dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu với hơn 3.000 km bờ biển. Do vậy, phía Vương quốc Anh rất vui mừng khi Việt Nam đang trở thành quốc gia dẫn đầu trong khu vực về tính bền vững, với các cam kết đầy tham vọng của Chính phủ tại COP26 nhằm đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Mới đây nhất, vào tháng 12/2022, trong chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tới Bỉ, dự Hội nghị cấp cao EU-ASEAN, Việt Nam đã cùng Nhóm các Đối tác Quốc tế trong đó có Vương quốc Anh đưa ra Tuyên bố chính trị về việc thiết lập Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP), qua đó sẽ huy động 15,5 tỷ USD để đưa ra nhiều hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, qua đó đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng của Việt Nam xanh.

Theo Hiệp hội Nhôm Việt Nam cho biết, hiện các doanh nghiệp trong Hiệp hội Nhôm Việt Nam đã xuất khẩu được phôi nhôm và các sản phẩm nhôm phục vụ cho xây dựng để xuất khẩu sang Anh quốc. Đây là một thị

trường khá khó tính. Tuy nhiên, phải nhận định rằng doanh nghiệp xuất khẩu được hưởng lợi nhiều từ Hiệp định UKVFTA. Để có thể tận dụng được lợi thế từ Hiệp định UVKFTA, các doanh nghiệp phải lên kế hoạch tìm hiểu tất cả những tiêu chuẩn, nhân hàng... mà đơn vị mình xuất khẩu. Các đơn vị cũng cần có sự nghiên cứu và phát triển ra sản phẩm để đáp ứng được nhu cầu

thực của thị trường. Thời gian qua, do dịch bệnh Covid và nguồn cung ứng nguyên liệu bị hạn chế do xung đột Nga – Ucraina gây khó khăn do ngành sản xuất nhôm, thép trong nước. Tuy nhiên, ngành nhôm nói riêng vẫn được hưởng lợi thế khi xuất khẩu nhờ có các Hiệp định thương mại và không bị áp thuế quá nhiều.

## THÔNG TIN DỰ ÁN – ĐẦU TƯ

### DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI, THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Hiện trạng hệ thống hạ tầng	Mục tiêu của dự án	Quy mô; công suất; diện tích đất sử dụng	Hình thức đầu tư	Thông tin về quy hoạch sử dụng đất	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị liên hệ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
III	<b>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ</b>								<b>Sở Xây dựng</b>
(7)	<b>HUYỆN THẠCH AN</b>								
1	Dự án Khu tái định cư phía Bắc TT	Thị trấn Đông Khê, Huyện Thạch An	Chưa được đầu tư	Phát triển dân cư đô thị theo hướng hiện đại	Diện tích: 3,65 ha	Vốn nhà đầu tư	Đã có trong kế hoạch sử dụng đất tại QĐ số: 2643/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh CB về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Thạch An	50.00	Thạch An
(8)	<b>HUYỆN QUẢNG HOÀ</b>								
1	Dự án Khu đô thị Pác Cam - Pác Cúng, Thị trấn Quảng Uyên	Thị trấn Quảng Uyên, Huyện Quảng Hoà	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 9,27 ha	Vốn nhà đầu tư	Có trong QH SDD của huyện đến năm 2030	113.92	Sở Xây dựng
2	Dự án Khu đô thị Đồng Ất, Thị trấn Quảng Uyên	Thị trấn Quảng Uyên, Huyện Quảng Hoà	Chưa có hạ tầng kỹ thuật đấu nối tới khu vực dự án	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 5,6 ha	Vốn nhà đầu tư	Có trong QH SDD của huyện đến năm 2030	68.82	Sở Xây dựng
3	Dự án Khu đô thị trung tâm thị trấn Hoà Thuận	Thị trấn Hoà Thuận, Huyện Quảng Hoà	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 6,5 ha	Vốn nhà đầu tư	Có trong QH SDD của huyện đến năm 2030	79.88	Sở Xây dựng
4	Dự án Khu dân cư	Thị trấn	Đã có hạ	Đầu tư xây dựng	Diện tích:	Vốn	Có trong QH	29.11	Sở Xây



STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Hiện trạng hệ thống hạ tầng	Mục tiêu của dự án	Quy mô; công suất; diện tích đất sử dụng	Hình thức đầu tư	Thông tin về quy hoạch sử dụng đất	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị liên hệ
	kết hợp thương mại dịch vụ thị trấn Hòa Thuận	Hoà Thuận, Huyện Quảng Hoà	tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	2,56 ha	nhà đầu tư	SĐĐ của huyện đến năm 2030		dựng
5	Dự án Khu đô thị mới Phục Hòa, thị trấn Hoà Thuận	Thị trấn Hoà Thuận, Huyện Quảng Hoà	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 8,56 ha	Vốn nhà đầu tư	Có trong QH SĐĐ của huyện đến năm 2030	105.20	Sở Xây dựng
6	Dự án Khu đô thị mới cửa khẩu Tà Lùng (Phía Khoang), thị trấn Tà Lùng	Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hoà	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 4,84 ha	Vốn nhà đầu tư	Có trong QH SĐĐ của huyện đến năm 2030	55.03	Sở Xây dựng
7	Dự án Khu đô thị Phía Bắc (Xa Khao), thị trấn Quảng Uyên	Thị trấn Quảng Uyên, Huyện Quảng Hoà	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 5 ha	Vốn nhà đầu tư	Có trong QH SĐĐ của huyện đến năm 2030	61.45	Sở Xây dựng
<b>(9)</b>	<b>HUYỆN TRUNG KHÁNH</b>								
1	Dự án Khu đô thị Đông Nam thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh	Thị trấn Trùng Khánh, Huyện Trùng Khánh	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 10,04 ha	Vốn nhà đầu tư	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	123.38	Sở Xây dựng
2	Dự án Khu đô thị Tây Nam thị trấn Trùng Khánh	Thị trấn Trùng Khánh, Huyện Trùng Khánh	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở thương mại, các tiện ích đô thị;	Diện tích: 3,1 ha	Vốn nhà đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	35.25	Sở Xây dựng
3	Dự án Khu đô thị Non Nước và trồng cây đặc sản Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh	Thị trấn Trùng Khánh, Huyện Trùng Khánh	Đã có hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước	Đầu tư xây dựng khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng	Diện tích: 25 ha	Vốn nhà đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	330.22	Sở Xây dựng
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC DU LỊCH, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ</b>								
1	Dự án Khu du lịch văn hóa tâm linh kết hợp sinh thái, công viên vui chơi giải trí khu vực chùa Đà Quận	Xã Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng	Quần thể di tích Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng gồm Chùa Viên Minh, đền Quan Triều và đôi chuông cổ	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch tâm linh và các dịch vụ trải nghiệm văn hóa bản địa	Diện tích: 4 ha	Vốn nhà đầu tư	Đang chờ thông tin điều chỉnh trong quy hoạch phát triển thành phố đến năm 2030 tầm nhìn 2050	200.00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Hiện trạng hệ thống hạ tầng	Mục tiêu của dự án	Quy mô; công suất; diện tích đất sử dụng	Hình thức đầu tư	Thông tin về quy hoạch sử dụng đất	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị liên hệ
2	Dự án xây dựng điểm ngắm cảnh núi Phia Phù kết hợp trải nghiệm chợ Co Sầu, huyện Trùng Khánh về đêm	TDP 4, Thị trấn Trùng Khánh, Huyện Trùng Khánh	Đã xây dựng cột cờ trên đỉnh núi	Xây dựng đường lên xuống và điểm vọng cảnh, check in, bãi đỗ xe, điểm thu phí. Bố trí, đầu tư không gian chợ phù hợp với bản sắc văn hóa	Diện tích: 01 ha	Vốn nhà đầu tư	Quy hoạch đã được phê duyệt	60.00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
3	Dự án đầu tư xây dựng Đền Hoàng Lục	Xóm Đồng Luông-Chi Choi, Xã Đình Phong, Huyện Trùng Khánh	Đã có đường đi lên, xuống; năm 2021 đã sửa chữa nhỏ một số hạng mục trong đền	Xây dựng khuôn viên và các hạng mục theo quy hoạch	Diện tích: 9,357 ha	Vốn nhà đầu tư	Đã XD xong quy hoạch, Đang chờ UBND tỉnh phê duyệt	200.00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
4	Dự án Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tại đền Thờ Tô Thị Hoạn và Động Dơi, xã Đồng Loạn, huyện Hạ Lang	Xã Đồng Loạn, Huyện Hạ Lang	Di tích đền thờ Tô Thị Hoạn; đang xây dựng đờng vào Động Dơi	Du lịch tâm linh, trải nghiệm hang động, khám phá văn hóa, ẩm thực địa phương	Diện tích: 60 ha	Vốn nhà đầu tư		100.00	Sở Văn hóa Thể thao và

## THÔNG TIN XUẤT NHẬP KHẨU

### Xuất nhập khẩu giấy của Việt Nam tiềm năng tăng trưởng cao

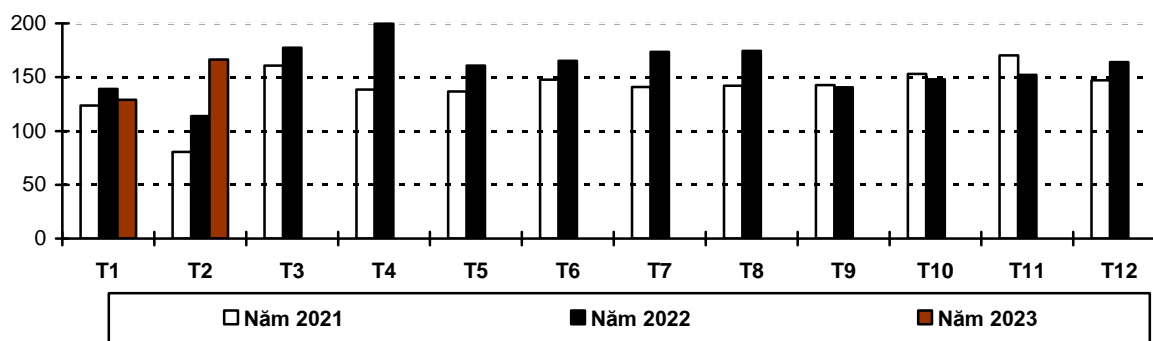
#### Về xuất khẩu:

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 2/2023, kim ngạch xuất khẩu giấy các loại của Việt Nam đạt 166,3 triệu USD, tăng 29% so với tháng 1/2023 và tăng 45,8% so với tháng 2/2022. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu giấy các loại

của Việt Nam đạt 296,4 triệu USD, tăng 15,9% so với 2 tháng đầu năm 2022.

Riêng khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt kim ngạch 66 triệu USD trong tháng 1/2023, giảm 22,8% so với tháng 1/2023 và giảm 17,8% so với tháng 1/2022.

**Kim ngạch xuất khẩu giấy và sản phẩm từ giấy của Việt Nam năm 2021 - 2023 (ĐVT: triệu USD)**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Thị trường xuất khẩu:**

Tháng 2/2023, kim ngạch xuất khẩu giấy và sản phẩm từ giấy sang Trung Quốc đạt 46,35 triệu USD, tăng 65% so với tháng 1/2023 và tăng 111,4% so với tháng 2/2022. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu giấy và sản phẩm từ giấy sang thị trường này đạt 74,6 triệu USD, tăng 103,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Đứng vị trí thứ 2 là kim ngạch xuất khẩu giấy và sản phẩm từ giấy sang Mỹ đạt 27,2 triệu USD, giảm 6,7% so với tháng 1/2023, nhưng tăng 29,8% so với tháng 2/2022.

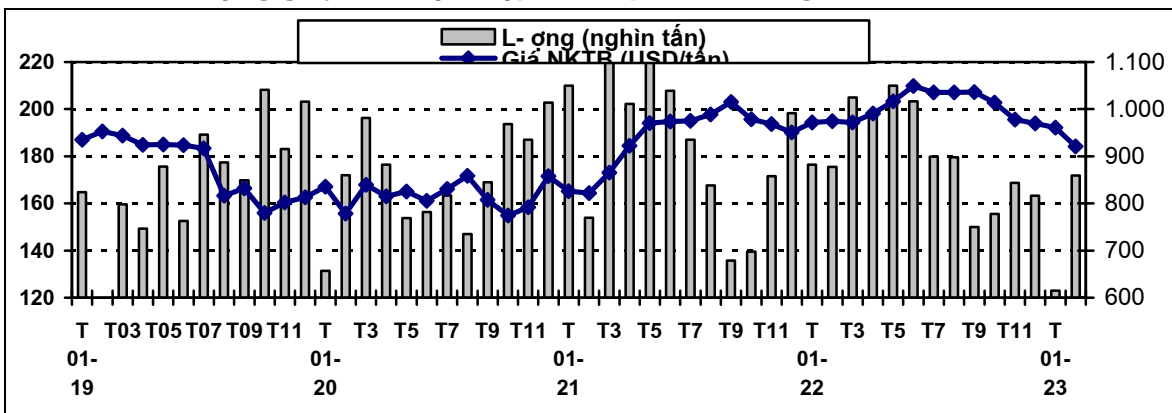
Nhìn chung, trong tháng 2/2023 xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy sang các thị trường đều tăng, trừ các thị trường Malaysia, Singapore, Philippin, Hồng Kông và UAE giảm so với tháng 2/2022...

**Một số thị trường xuất khẩu giấy và sản phẩm từ giấy của Việt Nam trong tháng 2/2023**

Thị trường	Tháng 02/2023 (nghìn USD)	So với tháng 01/2023 (%)	So với tháng 02/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2022 (%)
<b>Tổng</b>	<b>166.309</b>	<b>29,04</b>	<b>45,82</b>	<b>296.477</b>	<b>15,94</b>
Trung Quốc	46.352	65,02	111,35	74.605	103,62
Mỹ	27.211	-6,67	29,75	56.377	6,78
Campuchia	12.755	18,95	10,21	23.442	-19,00
Thái Lan	11.248	10,90	104,21	21.390	76,62
Indonesia	12.739	53,57	83,62	21.034	16,30
Đài Loan	8.785	41,32	40,37	15.001	-19,67
Nhật Bản	5.866	16,20	16,55	10.925	-1,49
Malaysia	6.025	74,37	-16,41	9.481	-44,11
Hàn Quốc	4.545	7,57	80,32	8.771	49,79
Australia	5.150	73,94	61,51	8.111	4,32
Singapore	3.056	83,94	-2,42	4.717	-22,69
Philippin	2.542	23,28	-5,93	4.605	-15,34
Hồng Kông	2.079	-2,96	-23,45	4.222	-27,34
Lào	1.260	45,70	34,06	2.121	-4,19
Anh	1.301	63,16	280,73	2.098	135,44
Đức	268	-29,11	378,31	645	94,22
UAE	464	164,99	-37,53	639	-40,38

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Giá và lượng giấy các loại nhập khẩu qua các tháng từ năm 2019 – 2023**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Về nhập khẩu:**

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu giấy các loại của Việt Nam trong tháng 2/2023 đạt trên 171,7 nghìn tấn, trị giá 158,2 triệu USD, tăng 39,6% về lượng và tăng 33,8% về trị giá so với tháng 1/2023,

so với tháng 2/2022 giảm 0,9% về lượng và giảm 6,7% về trị giá. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023 nhập khẩu giấy các loại về Việt Nam đạt trên 294,7 nghìn tấn, trị giá 276,4 triệu USD, giảm 16,1% về lượng và giảm 19,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Về giá: Tháng 2/2023 giá nhập khẩu bình quân giấy các loại về Việt Nam đạt 921,1 USD/tấn, giảm 4,2% so với tháng 1/2023 và giảm 5,9% so với tháng 2/2022. Tính chung 2 tháng đầu năm, giá nhập khẩu bình quân giấy các loại đạt 938 USD/tấn, giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2022.

**Về thị trường cung cấp:**

Tháng 2/2023, nhập khẩu giấy các loại từ Trung Quốc đạt 49,34 nghìn tấn, trị giá 47,53 triệu USD, tăng 15,7% về lượng và tăng 11,4% về trị giá so với tháng 1/2023. So với tháng 2/2022, giảm 0,9% về lượng và giảm 6,7% về trị giá. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu giấy các loại từ thị trường

này đạt 92 nghìn tấn, trị giá 90,2 triệu USD, tăng 0,5% về lượng, nhưng giảm 10,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu giấy các loại từ Indonesia đứng thứ 2, đạt 34,04 nghìn tấn, trị giá 30,39 triệu USD, tăng 74,2% về lượng và tăng 75,7% về trị giá so với tháng 1/2023, so với tháng 2/2022 tăng 1,3% về lượng và tăng 2,6% về trị giá.

Nhìn chung, nhập khẩu giấy các loại từ các thị trường đa phần tăng so với tháng 2/2022, trừ một số thị trường giảm như Nhật Bản giảm 34,4% về lượng, Thái Lan giảm 6,4% về lượng, Ấn Độ giảm 79,1 về lượng, Phần Lan giảm 11,5% về lượng...

**Một số thị trường cung cấp giấy các loại tháng 2/2023**

(ĐVT: tấn; ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 02/2023		So với tháng 01/2023 (%)		So với tháng 02/2022 (%)		2 tháng đầu năm 2023		So với 2 tháng đầu năm 2022 (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
<b>Tổng</b>	<b>171.777</b>	<b>158.216</b>	<b>39,63</b>	<b>33,80</b>	<b>-0,90</b>	<b>-6,71</b>	<b>294.761</b>	<b>276.498</b>	<b>-16,07</b>	<b>-19,34</b>
Trung Quốc	49.345	47.533	15,68	11,38	21,36	7,09	92.020	90.203	0,50	-10,68
Indonesia	34.042	30.399	74,15	75,68	1,25	2,60	53.590	47.703	-14,06	-10,67
Hàn Quốc	27.219	21.199	31,80	17,30	12,10	-15,89	47.860	39.284	1,25	-18,86
Nhật Bản	16.799	15.792	96,07	76,51	-34,35	-23,93	25.386	24.769	-49,77	-39,38
Thái Lan	14.746	14.735	65,00	76,10	-6,39	-2,42	23.684	23.103	-23,16	-20,04
Đài Loan	8.298	5.612	34,40	28,85	9,49	-11,06	14.468	9.968	-29,48	-40,44
Malaysia	6.346	5.224	16,96	34,03	67,13	25,41	11.752	9.123	66,48	8,06
Thụy Điển	2.044	1.997	17,74	11,83	6,40	11,94	3.780	3.783	16,42	18,10
Ấn Độ	2.265	2.002	188,90	140,63	-79,12	-77,23	3.049	2.837	-82,77	-80,90
Phần Lan	1.028	1.411	3,21	7,47	-11,46	-6,74	2.023	2.724	-16,30	-8,04
Singapore	963	2.515	42,88	32,63	26,71	-28,89	1.602	4.415	-0,93	-32,72
Đức	548	1.092	75,08	118,79	167,32	71,18	861	1.595	90,49	21,59
Mỹ	189	391	-65,45	-55,87	-59,70	-44,72	736	1.278	-50,93	-37,92
áo	163	367	-34,54	-35,68	-	-	412	938	692,31	1.131,73
Italia	88	264	-48,24	-22,12	-65,08	-64,24	258	603	-53,09	-61,11
Pháp	8	50	-88,73	-70,00	-89,04	-74,34	80	216	-6,98	-4,06
Nga	0	0	-100,0	-100,0	-100,0	-100,0	56	42	-98,30	-98,40
Philippin	0	0	-100,0	-100,0	-	-	39	42	-41,79	-32,34

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Nhận định:**

Ngành giấy là một trong những ngành có tầm quan trọng trong cơ cấu kinh tế nói chung và kinh tế công nghiệp nói riêng. Ngành giấy là ngành phụ trợ quan trọng đối với các ngành khác như: điện tử, may mặc, da giày, thủy sản, đồ gỗ..., góp phần rất lớn thúc đẩy sự phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa và thương mại điện tử. Ngoài ra, những sản phẩm giấy cũng là một trong những loại

hàng hóa thiết yếu cần thiết trong xã hội, đặc biệt cho văn hóa, giáo dục, y tế, thông tin truyền thông... Sự phát triển của ngành giấy, mức tiêu dùng giấy cũng là một trong những thước đo sự phát triển của một quốc gia nói chung và các ngành kinh tế, xã hội nói riêng.

Năm 2022, ngành giấy Việt Nam có hơn 500 doanh nghiệp sản xuất, trong đó: hơn 20 doanh nghiệp có công suất lớn chiếm 65% sản lượng và hơn 480 doanh nghiệp công



suất vừa và nhỏ chiếm khoảng 35% sản lượng. Năng lực sản xuất toàn ngành năm 2022 đạt khoảng 8,2 triệu tấn, sản lượng thực tế 5,7 triệu tấn, tiêu thụ 6,8 triệu tấn, nhập khẩu 1,8 triệu tấn, xuất khẩu 0,8 triệu tấn. Trong đó, giấy bao bì chiếm tỉ lệ trên 80%, còn lại là các loại giấy tissue, in viết, vàng mã và các loại giấy khác.

Định hướng phát triển, đến năm 2030, ngành giấy Việt Nam sẽ trở thành ngành sản xuất lớn ở Khu vực và châu Á, sản lượng giấy và bột giấy đứng thứ 2, giấy bao bì đứng thứ 1 trong Khu vực, trong Top 10

Châu Á, với ước tính khoảng 10 triệu tấn giấy các loại, 9 triệu tấn giấy bao bì, 1 triệu tấn bột giấy và 0,5 triệu tấn giấy vệ sinh.

Do đó tăng trưởng của ngành giấy của Việt Nam nói chung và giấy bao bì tại Việt Nam nói riêng trong thời gian tới vẫn còn lớn. Nhiều doanh nghiệp ngành giấy bao bì đã nắm bắt cơ hội tăng trưởng bằng việc mở thêm nhà máy và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đây sẽ là yếu tố tạo nên tăng trưởng mạnh xuất nhập khẩu giấy các loại của Việt Nam trong năm 2023.

## Ngành da giày đặt mục tiêu xuất khẩu 27 tỷ USD năm 2023

*Ngành giày dép năm 2022 dù gặp nhiều khó khăn vào những tháng cuối năm nhưng kim ngạch xuất khẩu vẫn vượt mục tiêu 25 tỷ USD. Tuy nhiên, việc duy trì được tốc độ tăng trưởng này trong năm 2023 sẽ là thách thức không nhỏ do phải chịu tác động từ rất nhiều yếu tố khách quan. Trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu giày dép giảm 16%, kim ngạch đạt 2,76 tỷ USD.*

Năm 2022, toàn ngành da giày xuất khẩu tăng trưởng hơn 30%, một trong những nguyên nhân ngành da giày đạt được tăng trưởng cao là nhờ tận dụng rất tốt các lợi thế mà các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang lại như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)...

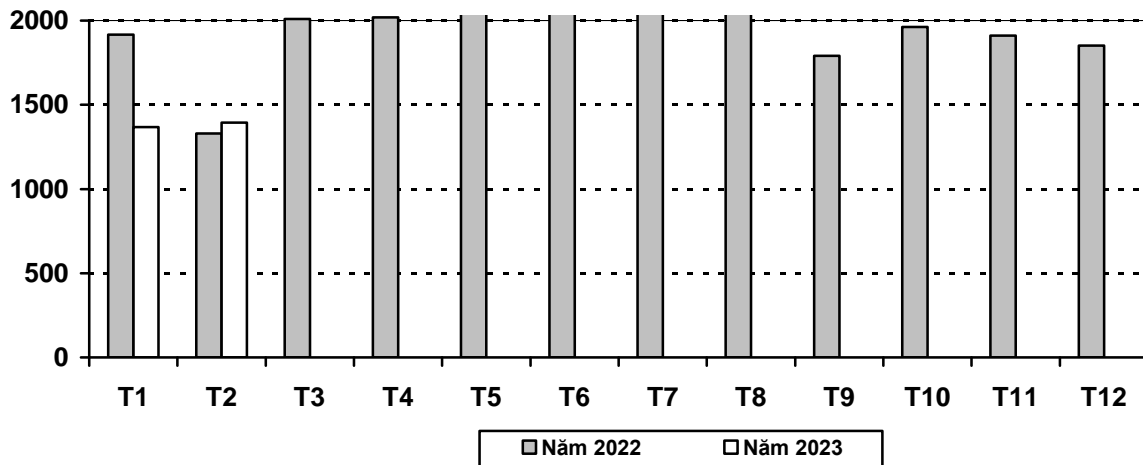
Bên cạnh đó, việc chuyển dịch sản xuất để có thể sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa nguyên phụ liệu để

đáp ứng yêu cầu về xuất xứ hàng hóa của các FTA đã giúp ngành da giày có thể đạt mục tiêu xuất khẩu. Tuy nhiên, năm 2023 dự báo có rất nhiều yếu tố khách quan tác động đến sự tăng trưởng xuất khẩu của ngành.

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam tháng 2/2023 đạt 1,393 tỷ USD, tăng 1,9% so với tháng 1/2023 và tăng 3,7% so với tháng 2/2022. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam đạt 2,763 tỷ USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2022.

### Kim ngạch xuất khẩu giày, dép các loại qua các tháng

(Đvt: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2023, Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất mặt hàng giày dép các loại sang thị trường Mỹ, chiếm 32,2% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tiếp đến là thị trường EU chiếm 23,3%. Xuất khẩu giày dép các loại sang thị trường Mỹ giảm mạnh 19,6%, trong khi xuất khẩu tới EU tăng nhẹ 1,4% trong tháng 2/2023 so với tháng 2/2022.

Tuy nhiên, do xuất khẩu giày dép các loại sang các thị trường tăng mạnh trong tháng 1/2023 nên tính chung 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu mặt hàng này sang nhiều thị trường tăng ở mức hai con số như Trung Quốc tăng 13,6%; Nhật Bản tăng 38,3%; Hàn Quốc tăng 14,5%; Ấn Độ tăng 19,1%; Đài Loan tăng 22,5%...

**Thị trường xuất khẩu giày dép của Việt Nam trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2023**

Thị trường	Tháng 02/2023 (nghìn USD)	So với tháng 01/2023 (%)	So với tháng 02/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2022 (%)
<b>Mỹ</b>	<b>450.586</b>	<b>2,57</b>	<b>-19,58</b>	<b>889.580</b>	<b>-34,74</b>
<b>EU</b>	<b>314.132</b>	<b>-5,18</b>	<b>1,42</b>	<b>645.145</b>	<b>-19,85</b>
Bỉ	86.862	-1,01	-18,50	174.580	-32,32
Đức	62.737	-1,13	-8,87	126.135	-28,47
Hà Lan	52.704	-7,89	5,80	109.924	-19,37
Pháp	41.651	-6,28	45,87	86.094	5,37
Tây Ban Nha	24.041	-11,66	52,64	51.061	14,00
Italia	23.718	-11,45	21,96	50.501	-5,60
Luxembua	9.222	19,05	147,58	16.968	115,96
Thụy Điển	2.265	-49,06	-51,54	6.711	-49,10
Ba Lan	2.350	-32,74	13,80	5.844	-33,23
Áo	2.867	45,31	73,05	4.840	33,18
CH Séc	1.683	-34,93	-51,28	4.270	-53,68
Đan Mạch	1.817	5,77	-3,64	3.536	-5,87
Hy Lạp	1.878	82,18	-0,09	2.908	-33,12
Bồ Đào Nha	63	-93,75	-73,64	1.067	138,49
Slovakia	221	-12,80	201,65	475	59,26
Phần Lan	55	-68,99	-95,09	231	-91,78
Trung Quốc	158.832	25,14	39,20	285.728	13,55
Nhật Bản	99.214	0,58	70,01	198.146	38,29
Hàn Quốc	54.562	-2,94	23,59	110.546	14,45
Anh	48.903	-11,45	37,82	104.130	9,44
Australia	25.120	-22,23	13,49	57.367	0,10
Canada	28.885	5,70	-2,01	56.212	-11,66
Mexico	22.267	-19,94	13,16	50.070	-8,55
Ấn Độ	15.841	-16,69	35,79	34.857	19,07
Đài Loan	18.861	103,88	81,88	28.112	22,49
Hồng Kông	15.427	44,76	57,67	26.062	17,27
Thổ Nhĩ Kỳ	7.136	-54,62	161,10	22.860	201,89
Braxin	12.255	26,59	23,70	21.936	-0,30
Singapore	13.425	63,80	102,73	21.621	47,96
UAE	9.153	-5,85	-3,13	18.875	-5,85
Panama	7.066	-34,11	-7,21	17.791	20,15
Malaysia	9.984	66,27	153,79	15.989	76,54
Achentina	9.117	45,69	120,38	15.376	86,80
Thái Lan	8.812	36,66	167,95	15.260	94,45
Indonesia	11.004	238,24	236,79	14.257	92,71
Nam Phi	5.616	-30,49	-28,20	13.695	-16,38
Pêru	7.010	6,56	76,53	13.584	54,73
Philippin	7.753	35,58	141,72	13.472	84,03
Chilê	5.811	-17,86	-45,93	12.885	-47,19

Thị trường	Tháng 02/2023 (nghìn USD)	So với tháng 01/2023 (%)	So với tháng 02/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2022 (%)
New Zealand	4.384	3,46	35,25	8.623	2,31
Ixraen	3.832	-7,50	-9,55	7.976	-27,18
Thụy Sĩ	1.271	-38,58	-47,64	3.340	-26,49
Côlombia	2.012	51,71	-21,32	3.337	-46,04
Nga	627	-57,51	-93,88	2.103	-93,30
Ukraina	568	-44,38	-33,42	1.590	-36,96
Na Uy	252	-77,69	-51,90	1.379	-45,10
Hunggary	0	-100,00	-100,00	122	37,16

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### **Ngành da giày đặt mục tiêu xuất khẩu 27 tỷ USD năm 2023**

Năm 2022, dù ngành da giày - túi xách vượt qua nhiều khó khăn để đạt được kim ngạch xuất khẩu ấn tượng, song không có gì bảo đảm ngành sẽ duy trì được sự tăng trưởng trong năm 2023. Công tác dự báo thị trường khó hơn, điều phối sản xuất gặp nhiều rủi ro, đặt doanh nghiệp ở thế vô cùng bấp bênh.

Thực tế, các doanh nghiệp xuất khẩu phần ảnh, doanh số bán lẻ quần áo và giày dép tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam có dấu hiệu kém khả quan từ tháng 10/2022, cùng mức tăng trưởng thấp, báo hiệu tiếp một mùa khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất giày dép.

Theo nhận định, mục tiêu xuất khẩu năm 2023 sẽ trở nên thách thức hơn, đặt trong bối cảnh thị trường toàn cầu giảm tiêu dùng. Ở trong nước, doanh nghiệp khó tiếp cận vốn vay, chi phí sản xuất tiếp đà tăng cao, cho thấy các doanh nghiệp phải duy trì hoạt động trong một giai đoạn cực kỳ khó khăn.

Từ quý IV/2022, trước tác động của lạm phát, các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ,

EU, Nhật Bản đều suy giảm tiêu dùng. Trong khi nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chậm lại, hàng tồn kho các sản phẩm giày dép của các nhà bán lẻ và các nhãn hàng tiếp tục ở mức cao sẽ làm xấu đi triển vọng đơn hàng trong nửa đầu năm 2023.

Bên cạnh đó, Trung Quốc quay trở lại sản xuất, khiến nguồn cung tăng đột biến, trong khi cầu chưa phục hồi, càng gây áp lực lớn lên giá thành hàng hóa.

Các doanh nghiệp đều cho hay, thị trường gặp khó, họ sẽ cố gắng ở mức cao nhất để giữ lao động lành nghề, giữ vị trí trong chuỗi, quyết định hy sinh lợi ích ngắn hạn để giữ ổn định cao hơn về lao động, nhưng sự gắng gượng này cũng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, nếu tình hình không cải thiện, việc cắt giảm lao động, thu hẹp sản xuất cũng phải xảy ra.

Lúc này, doanh nghiệp chỉ biết chờ đợi vào tín hiệu thị trường dần ấm lên, sức mua được cải thiện, các nhà mua hàng quay trở lại đặt hàng để sản xuất được thông suốt, các lô hàng được xuất đi đều đặn.

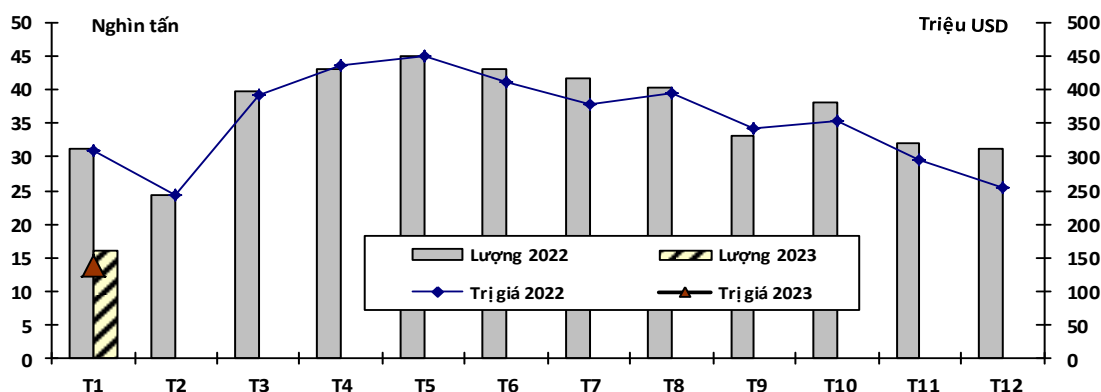
### **Xuất khẩu tôm đối mặt nhiều khó khăn trong năm 2023**

Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu tôm của Việt Nam ước đạt 38,23 nghìn tấn với trị giá 339,32 triệu USD, giảm 31,1% về lượng và giảm 38,67% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chính là do tính cạnh tranh tôm của Việt Nam ở những thị trường lớn giảm đáng kể, do tôm của Ấn Độ, Indonesia và Ecuador có mức giá tốt hơn. Điều này sẽ khiến cho việc hoàn thành kế hoạch xuất khẩu tôm nói riêng và thủy sản nói chung của Việt Nam năm 2023 khó hoàn thành. Dự báo xuất khẩu tôm của Việt Nam có thể phục hồi trở lại trong quý II/2023.

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu tôm của Việt Nam tháng 1/2023 đạt 16,3 nghìn tấn, trị giá 139,23 triệu USD, giảm 47,87% về lượng và giảm 55,15% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chiếm

15,12% về lượng và chiếm 30,64% về trị giá xuất khẩu thủy sản của cả nước. Xuất khẩu tôm tới hầu hết các thị trường đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

### Xuất khẩu tôm năm 2022 – 2023

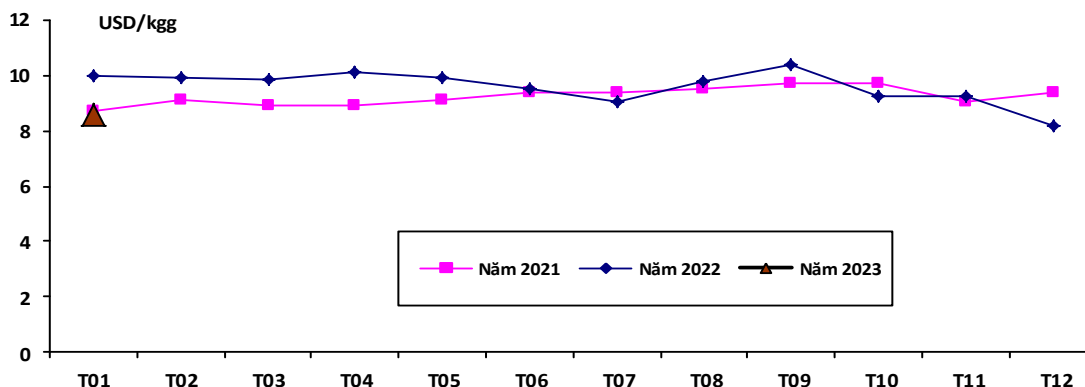


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam tháng 1/2023, chiếm 18% về lượng và chiếm 20,3% về trị giá; EU là thị trường lớn thứ hai chiếm 18% về lượng và chiếm 17,6% về trị giá; Mỹ là thị trường lớn

thứ ba chiếm 13,8% về lượng và chiếm 16,2% về trị giá; Hàn Quốc chiếm 15,8% về lượng và chiếm 13,5% về trị giá xuất khẩu tôm của cả nước.

### Giá xuất khẩu trung bình tôm của Việt Nam năm 2022 – 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu trung bình tôm của Việt Nam trong tháng 1/2023 đạt 8,59 USD/kg, giảm 1,39 USD/kg so với tháng 1/2022 và giảm 0,1 USD/kg so với tháng 1/2021. Đây là mức giá thấp nhất trong 3 năm qua.

Ước tính tháng 2/2023, xuất khẩu tôm của Việt Nam đạt 22 nghìn tấn, trị giá đạt 200 triệu USD, giảm 9,8% về lượng và giảm 17,57% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu tôm của Việt Nam ước đạt 38,23 nghìn tấn, trị giá 339,32 triệu USD, giảm 31,1% về lượng và giảm 38,67% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Xuất khẩu tôm giảm mạnh trong 2 tháng đầu năm 2023 và có thể vẫn giảm trong tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022. Điều này sẽ khiến cho việc hoàn thành kế hoạch xuất khẩu tôm nói riêng và thủy sản nói chung của Việt Nam năm 2023 khó hoàn thành. Nguyên nhân xuất khẩu tôm giảm là do tính cạnh tranh tôm của Việt Nam ở những thị trường lớn giảm đáng kể, do tôm của Ấn Độ, Indonesia và Ecuador có mức giá tốt hơn.

Dự báo xuất khẩu tôm của Việt Nam có thể phục hồi trở lại trong quý II/2023.



## Thị trường xuất khẩu tôm của Việt Nam tháng 1/2023

Thị trường	Tỷ trọng tháng 1/2023 (%)		Tháng 1/2023		So với tháng 1/2022 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tôm các loại</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>16.228</b>	<b>139.319</b>	<b>-47,9</b>	<b>-55,2</b>
Nhật Bản	18,0	20,3	2.927	28.259	-46,0	-47,1
EU	18,0	17,6	2.926	24.513	-50,1	-54,2
Mỹ	13,8	16,2	2.232	22.638	-60,9	-66,0
Hàn Quốc	15,8	13,5	2.558	18.752	-34,0	-39,0
Anh	7,7	8,3	1.256	11.632	-39,1	-46,0
Australia	5,7	6,9	927	9.594	-57,7	-59,3
Trung Quốc	8,5	4,1	1.379	5.730	33,8	-50,0
Hồng Kông	3,5	3,7	562	5.157	-28,2	-24,8
Canada	2,3	3,3	370	4.531	-76,8	-77,1
ASEAN	2,3	1,9	373	2.581	-43,1	-41,7
Đài Loan	1,1	1,0	187	1.415	-54,9	-60,3
Thị trường khác	3,3	3,2	531	4.516	-65,7	-70,3

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

### Xuất khẩu tôm đối mặt nhiều khó khăn trong năm 2023

Xuất khẩu tôm năm 2023 của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh mạnh hơn với tôm của Ecuador và Ấn Độ.

Năm 2023, dù được dự báo vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng trên cơ sở phân tích những thuận lợi, cơ hội và thách thức, ngành tôm cả nước vẫn đặt mục tiêu diện tích nuôi tôm đạt 750.000 ha, sản lượng tôm các loại trên 1 triệu tấn (trong đó tôm sú 280.000 tấn, tôm thẻ chân trắng 750.000 tấn, còn lại là tôm càng xanh và tôm khác) và kim ngạch xuất khẩu trên 4,3 tỷ USD.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng theo đánh giá của nhiều chuyên gia ngành tôm Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong năm 2023. Việc xuất khẩu tôm năm 2022 đạt mức kỷ lục là nhờ vào đơn hàng gởi từ năm 2021 do Covid-19 bị đình lại, giá tôm tăng, nỗ lực lớn của các doanh nghiệp trong bối cảnh nhiều khó khăn. Xuất khẩu tôm của Việt Nam năm 2022 sang 108 thị trường, thay vì 103 thị trường như năm 2021, trong đó xuất khẩu sang 9 thị trường chính chiếm hơn 97% tổng giá trị.

Xuất khẩu tôm năm 2023 của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh mạnh hơn với tôm của

Ecuador và Ấn Độ. Bên cạnh đó, giá tôm nhập khẩu trên thị trường thế giới giảm dần từ nửa cuối năm 2022 và dự kiến sẽ tiếp tục giảm khi nguồn cung toàn cầu tăng lên khoảng 6 triệu tấn. Trong khi đó, giá tôm nguyên liệu trong nước lại có xu hướng tăng dẫn đến khả năng huy động nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu rất khó khăn.

Song song với đó, với tồn kho còn lớn, nhập khẩu tôm của Mỹ chưa thể phục hồi trong nửa đầu năm 2023. Nhu cầu vẫn sẽ tập trung nhiều hơn vào tôm cỡ nhỏ, lợi thế nghiêng về Ecuador vì nguồn cung tôm dồi dào hơn và lợi thế về vị trí địa lý.

Ngoài ra, xuất khẩu tôm trong năm 2023 sẽ rất khó khăn bởi nguồn cung của thế giới đang tăng và có xu hướng giá giảm. Từ đó, dự báo nhu cầu thị trường sẽ hồi phục từ quý 2/2023 trong xu hướng giá thấp hơn năm 2022.

Nhiều chuyên gia cũng cho rằng, giá thành sản xuất tôm vẫn còn cao hơn so với các nước trong khu vực. Nguyên nhân là do thức ăn nuôi tôm vẫn đang chiếm tỉ lệ cao trong giá thành sản xuất (khoảng trên 65% giá thành nuôi tôm công nghiệp). Bên cạnh đó, chi phí con giống cao do phải nhập khẩu tôm bố mẹ, phần lớn hạ tầng vùng nuôi chưa đảm bảo. Nguồn nước dễ bị ô nhiễm do quá

trình sản xuất và sinh hoạt, thuốc bảo vệ thực vật từ sản xuất nông nghiệp. Tình trạng sản xuất, mua bán tôm giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch còn khá phổ biến một số địa phương ảnh hưởng đến chất lượng nuôi tôm... cũng là những nguyên nhân khiến ngành tôm Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong năm 2023.

Để kết quả nuôi tôm và kim ngạch xuất khẩu đạt kế hoạch đề ra, các doanh nghiệp cần đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, nhất là chế biến sâu, chế biến sản phẩm giá trị gia tăng phù hợp với nhu cầu tiêu dùng trong tình hình mới. Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị sẵn các điều kiện để chủ động sản xuất trong điều kiện khó khăn như hạn hán,

xâm nhập mặn, biến động môi trường dẫn đến dễ phát sinh dịch bệnh, cộng với giá vật tư đầu vào tăng cao; nâng cao chất lượng sản phẩm; hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi để giảm khâu trung gian, giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; áp dụng các hình thức nuôi có chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, ASC...

Các địa phương cần tổ chức liên kết giữa các địa phương tham gia chuỗi tôm, đảm bảo chuỗi sản xuất tôm vận hành liên hoàn. Ngăn chặn kịp thời những sản phẩm như con giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản không đảm bảo chất lượng tới người tiêu dùng.

## Xuất khẩu cao su giảm trong 2 tháng đầu năm 2023

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 02/2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 131,1 nghìn tấn, trị giá 185 triệu USD, giảm 2,8% về lượng và tăng 1,3% về trị giá so với tháng 01/2023, tăng 29,2% về lượng và tăng 1,9% về trị giá so với tháng 02/2022. Lũy kế hai tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cao su đạt 266,1 nghìn tấn, trị giá 367,8 triệu USD, giảm 9,5% về lượng và giảm 28,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Về giá cao su xuất khẩu, trong tháng 02/2023, mức giá đã tăng trở lại với mức tăng 4,2% so với tháng 01/2023, trung bình đạt 1.411 USD/tấn. Tính chung trong hai tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân về mức 1.382 USD/tấn, giảm 21% so với cùng kỳ năm 2022.

Dự báo trong năm 2023, hoạt động xuất khẩu cao su sẽ có nhiều dấu hiệu phục hồi tích cực. Tốc độ tăng lãi suất chậm trong năm 2023 cùng với việc Trung Quốc đang trong quá trình mở cửa sau những khủng hoảng từ dịch Covid 19 sẽ góp phần đưa hoạt động xuất khẩu cao su diễn biến khả quan hơn trong thời gian tới.

### Về thị trường

Trong hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm 2022 là do xuất khẩu sang các thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc đều ghi nhận mức giảm mạnh. Đáng chú ý, thị trường Sri Lanka cho

thấy mức giảm mạnh nhất trong số các thị trường, cả về lượng và trị giá, so với tháng 02/2022, trong khi đó hai thị trường Hà Lan và Malaysia lại cho thấy chiều hướng ngược lại. Cụ thể, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ cao su chủ lực của Việt Nam với kim ngạch đạt 277,4 triệu USD, giảm 23,1% so với tháng 2 tháng đầu năm 2022, lượng đạt 206 nghìn tấn, giảm 2,1%. Hiện chính phủ Trung Quốc đã nới lỏng các hạn chế do Covid 19, giúp nâng cao nhu cầu tiêu thụ đối với cao su từ quốc gia này, đồng thời cũng tăng nhu cầu từ các quốc gia châu Á vốn phụ thuộc nhiều vào việc nhập khẩu hàng từ Trung Quốc. Xếp ở vị trí thứ hai là thị trường Ấn Độ, với kim ngạch đạt 14,8 triệu USD, giảm mạnh 59,2%, lượng đạt 10,4 nghìn USD, giảm 48,1% so với cùng kỳ năm 2022. Hàn Quốc là thị trường xếp ở vị trí thứ ba, với kim ngạch đạt 8 triệu USD, giảm 29,6%, lượng đạt 5 nghìn tấn, giảm 16,5% so với cùng kỳ năm 2022. Bên cạnh đó, thị trường Sri Lanka có mức giảm rất mạnh so với các thị trường nhập khẩu khác, với kim ngạch đạt 687 nghìn USD, giảm 89% so với cùng kỳ năm 2022, lượng đạt 431 nghìn tấn, giảm 87,3%.

Trong khi đó, cao su xuất khẩu đến hai thị trường là Hà Lan và Malaysia lại cho thấy mức tăng trưởng mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2022, với kim ngạch lần lượt là 2,6 triệu USD, tăng 25,4% và 1,4 triệu USD, tăng 5,6%.

**Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường chính trong tháng 02/2023  
và 2 tháng đầu năm 2023**

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: Nghìn USD)

Thị trường	Tháng 2/2023		So với tháng 1/2023 (%)		So với tháng 2/2022 (%)		2 tháng năm 2023		So với 2 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>131.110</b>	<b>185.003</b>	<b>-2,8</b>	<b>1,3</b>	<b>29,2</b>	<b>1,9</b>	<b>266.147</b>	<b>367.804</b>	<b>-9,5</b>	<b>-28,3</b>
Trung Quốc	98.789	135.560	-7,9	-4,5	47,1	15,7	206.016	277.449	-2,1	-23,1
Ấn Độ	6.532	9.440	65,9	74,3	-5,5	-25,7	10.469	14.855	-48,1	-59,2
Hàn Quốc	2.836	4.571	25,9	32,5	-14,6	-26,0	5.088	8.019	-16,5	-29,6
Nga	1.520	2.157	-55,9	-53,4	0,9	-21,9	4.966	6.784	35,1	1,3
Mỹ	1.988	2.760	8,6	22,9	-30,9	-47,6	3.819	5.006	-38,7	-54,1
Thổ Nhĩ Kỳ	2.449	3.655	102,7	131,6	-12,6	-28,8	3.657	5.234	-39,8	-52,4
Đức	2.019	3.247	28,8	46,4	-15,1	-26,7	3.587	5.465	-31,2	-40,8
Đài Loan	2.204	3.299	83,5	94,0	144,6	97,8	3.405	4.999	40,4	14,2
Indonesia	1.236	2.391	30,9	60,7	-11,5	-12,2	2.180	3.879	-39,4	-41,3
Braxin	664	817	-51,8	-47,2	-28,8	-41,9	2.041	2.366	-21,7	-37,4
Hà Lan	809	1.245	-21,4	-11,4	51,8	32,8	1.838	2.650	49,4	25,4
Italia	1.077	1.602	46,5	62,1	47,1	19,0	1.812	2.589	-48,7	-56,0
Nhật Bản	898	1.410	48,2	53,5	34,6	10,4	1.504	2.329	12,1	-8,9
Malaysia	675	803	30,6	21,4	130,4	40,7	1.191	1.464	42,5	5,6
Canada	505	813	4,1	11,4	-58,3	-65,6	990	1.543	-32,8	-45,9
Tây Ban Nha	545	817	48,1	64,8	-36,6	-45,4	913	1.313	-36,0	-45,1
Pháp	463	758	53,3	59,3	-14,9	-27,6	765	1.234	-5,1	-19,9
Bangladesh	363	539	146,9	156,9	65,0	23,1	510	749	33,2	-1,1
Mexico	234	365	-11,7	-4,5	20,6	-5,4	499	748	25,4	-2,3
Sri Lanka	366	586	463,1	478,0	-72,5	-77,7	431	687	-87,3	-89,0
Pakistan	124	158	-39,5	-31,3	-49,8	-62,8	329	388	-73,1	-82,8
Argentina	141	210	-12,4	-12,0	252,5	155,3	302	450	6,7	-11,9
Bỉ	168	188	158,5	185,7	31,3	24,7	233	254	-64,6	-70,3
Pêru	181	291	805,0	856,1	30,2	-10,8	201	321	-21,5	-44,4
Anh	122	210	183,7	429,1	-46,0	-42,0	165	249	-72,6	-72,4
Singapore	37	129	23,3	170,6	-7,5	62,0	67	177	11,7	48,3
Thụy Điển	20	31	0,0	2,6			40	62	-33,3	-44,7
CH Séc							22	34		
Thị trường khác	4.145	6.950	-14,0	-25,6	6,2	-15,7	9.107	16.506	-6,7	-15,6

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

**Về chủng loại**

Trong tháng 01/2023, do kỳ nghỉ Tết kéo dài nên xuất khẩu hầu hết các nhóm cao su đều ghi nhận mức giảm so với cùng kỳ năm 2022. Xếp ở vị trí đầu tiên là nhóm Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280), với kim ngạch đạt 127,3 triệu USD, giảm mạnh 42,7% so với tháng 01/2022, lượng đạt 93,7 nghìn tấn, giảm 26,8%, giá xuất khẩu bình quân đạt 1.359 USD/tấn, giảm 21,8%. Nhóm ghi nhận mức giảm mạnh

nhất là cao su tái sinh, kim ngạch đạt 85 nghìn USD, giảm 84,8%, lượng đạt 125 tấn, giảm 81,3%.

Chỉ có hai nhóm ghi nhận mức tăng trưởng so với tháng 01/2022 là cao su tổng hợp và SVR 5. Nhóm cao su tổng hợp có kim ngạch đạt 7,8 triệu USD, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2022 và lượng đạt 3,5 nghìn tấn, tăng mạnh 54,7%. Nhóm SVR 5 có kim ngạch đạt 164 nghìn USD, tăng 8,9% và lượng đạt 109 tấn, tăng 35,1%.

**Chủng loại cao su xuất khẩu trong tháng 01/2023**

(ĐVT: Nghìn USD/tấn)

Chủng loại	Tháng 01/2023			So với tháng 12/2022 (%)			So với tháng 01/2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng	93.745	127.375	1.359	-52,0	-52,2	-0,5	-26,8	-42,7	-21,8

Chủng loại	Tháng 01/2023			So với tháng 12/2022 (%)			So với tháng 01/2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
hợp (HS: 400280)									
Latex	15.224	14.912	980	-44,5	-41,1	6,2	-23,7	-39,4	-20,5
SVR 10	7.908	10.662	1.348	-31,4	-30,2	1,8	-32,7	-49,4	-24,9
SVR 3L	5.411	8.144	1.505	-57,3	-55,5	4,2	-60,9	-68,2	-18,5
SVR CV60	5.119	7.846	1.533	-41,2	-39,9	2,4	4,7	-16,0	-19,8
Cao su tổng hợp	3.563	7.804	2.190	-43,6	-42,2	2,5	54,7	31,1	-15,2
RSS3	1.635	2.359	1.443	-62,4	-62,9	-1,4	-70,8	-77,9	-24,5
SVR CV50	805	1.229	1.527	-44,2	-44,8	-1,1	-67,9	-74,7	-21,3
RSS1	517	782	1.512	-51,1	-50,0	2,2	-0,5	-23,9	-23,5
SVR 20	459	608	1.327	-30,7	-31,5	-1,2	-69,1	-76,2	-23,1
Cao su hỗn hợp (HS: 4005)	229	528	2.310	-51,0	-55,1	-8,3	-71,4	-70,4	3,6
Cao su tái sinh	125	85	680	-85,4	-82,7	18,9	-81,3	-84,8	-18,9
SVR 5	109	164	1.507	-58,6	-59,1	-1,3	35,1	8,9	-19,4
SVR CV40	40	60	1.480	0,0	-6,3	-6,3			

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

## LUẬN CHUYỂN VỐN VÀ ĐẦU TƯ

### Đề xuất gần 10.500 tỷ đồng làm cao tốc đi qua tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk

Ban Quản lý dự án 6 vừa trình Bộ Giao thông vận tải (GTVT) thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

Theo đó, dự án này có chiều dài khoảng 36,987 km, trong đó đoạn đi qua địa phận tỉnh Khánh Hòa dài 1,3 km; đoạn đi qua địa phận tỉnh Đắk Lắk dài 35,6 km. Tổng mức đầu tư là 10.436,543 tỷ đồng (không bao gồm chi phí thiết bị của hạng mục giao thông thông minh - ITS và trạm thu phí là khoảng 118 tỷ đồng theo Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi).

Dự án có điểm đầu tại Km32+000 thuộc địa phận xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa (tỉnh Khánh Hòa); điểm cuối tại Km69+500 thuộc địa phận xã Cư Elang, huyện Ea Kar (tỉnh

Đắk Lắk). Giai đoạn 1 phân kỳ đầu tư quy mô 4 làn xe cao tốc hạn chế chiều rộng nền đường 17 m, vận tốc thiết kế 80 km/giờ.

Dự án thành phần 2 cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột được đầu tư bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 (gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương) và ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 - 2030. Trong đó, ngân sách Trung ương là 10.313,3 tỷ đồng; ngân sách 2 địa phương tham gia 50% chi phí giải phóng mặt bằng là 123,2 tỷ đồng.

Ban Quản lý dự án 6 đề xuất Bộ GTVT chuẩn bị đầu tư, thực hiện cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn vào năm 2025, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn dự án năm 2027.

### Cao Bằng đề xuất bố trí 2.891 tỷ đồng nâng cấp một số đoạn tuyến quốc lộ

Sở Giao thông vận tải (GTVT) Cao Bằng vừa có công văn gửi Bộ GTVT đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp 3 đoạn tuyến quốc lộ trọng yếu trên địa bàn Tỉnh.

Cụ thể, Sở GTVT đề xuất Bộ GTVT báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét thông qua chủ trương Dự án Đầu tư nâng cấp Quốc lộ 34 đoạn từ Đèo Mã Phục - tránh thị trấn Trà Lĩnh vào đến cửa khẩu quốc tế Trà

Lĩnh (Km247 - Km265) thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng.

Dự án này có điểm đầu tại Km247, Quốc lộ 34/Km297 Quốc lộ 3 (đỉnh đèo Mã Phục) thuộc địa phận huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; điểm cuối tại Km265 Quốc lộ 34 nối vào khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Tổng chiều dài tuyến khoảng 18 km. Tổng mức đầu tư Dự án là 626 tỷ đồng.

Đối với Dự án Đầu tư nâng cấp Quốc lộ 4A đoạn từ thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh đến thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng (Km234- Km277), tổng mức đầu tư Dự án là 1.385 tỷ đồng. Dự án có điểm đầu tuyến tại Km234 (giao với Quốc lộ 34 tại

Km260+00 ngay tại trung tâm thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng), điểm cuối tuyến tại Km277 (giao với đường Hồ Chí Minh tại Km7 thuộc địa phận thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng), với tổng chiều dài 43 km.

Đối với Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 34 (đoạn Ca Thành - Nguyên Bình, tương ứng lý trình Km182 - Km212) đi qua địa phận huyện Nguyên Bình, Dự án có mục tiêu đầu tư toàn tuyến (dài 27,35 km trừ đoạn tuyến tránh thị trấn nguyên Bình) với tổng mức đầu tư là 880 tỷ đồng.

Như vậy nếu được thông qua chủ trương đầu tư, tổng mức đầu tư của cả 3 dự án là 2.891 tỷ đồng.

## **Trà Vinh kêu gọi đầu tư 6 dự án khu - cụm công nghiệp vốn 17.447 tỷ đồng**

UBND tỉnh Trà Vinh vừa ban hành Danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Cụ thể, có 44 dự án được tỉnh Trà Vinh kêu gọi đầu tư bao gồm: lĩnh vực công nghiệp có 9 dự án; lĩnh vực nông nghiệp có 1 dự án; lĩnh vực hạ tầng xã hội- đô thị và môi trường có 25 dự án; lĩnh vực thương mại, du lịch và dịch vụ có 9 dự án.

Trong 25 dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng xã hội- đô thị và môi trường, tỉnh Trà Vinh kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật 2 khu công nghiệp, 1 khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp và 3 cụm công nghiệp, với tổng mức đầu tư dự kiến 17.447 tỷ đồng. Đó là:

Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Định An (trong Khu kinh tế Định An), diện tích sử dụng đất 591 ha, tổng mức đầu tư dự kiến 3.550 tỷ đồng.

Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đôn Xuân (trong Khu kinh tế Định An), diện

tích sử dụng đất 934 ha, tổng mức đầu tư dự kiến 5.600 tỷ đồng.

Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp (trong Khu kinh tế Định An), diện tích sử dụng đất 1.241 ha (trong đó diện tích hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Ngũ Lạc là 936 ha và Khu dịch vụ công nghiệp là 305 ha), tổng mức đầu tư dự kiến 7.400 tỷ đồng.

Dự án đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Lưu Nghiệp Anh (xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú), diện tích sử dụng đất 31,52 ha, tổng mức đầu tư dự kiến 291 tỷ đồng.

Dự án đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Bình Phú (xã Bình Phú, huyện Càng Long), diện tích sử dụng đất 33 ha, tổng mức đầu tư dự kiến 305 tỷ đồng.

Dự án đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Sa Bình (xã Long Đức, TP. Trà Vinh), diện tích sử dụng đất 32,58 ha, tổng mức đầu tư dự kiến 301 tỷ đồng.

## **Đề xuất đầu tư cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua Ninh Bình vốn 8.450 tỷ đồng**

UBND tỉnh Ninh Bình vừa có công văn số 171/UBND – VP4 đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương này làm cơ quan chủ quản Dự án đầu tư xây dựng tuyến

đường bộ cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng, đoạn qua Ninh Bình.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng, đoạn qua Ninh Bình dài 25,4 km có điểm đầu tại nút



giao Mai Sơn giao với tuyến đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn Mai Sơn – Quốc lộ 45 thuộc xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; điểm cuối là cầu vượt sông Đáy (cầu Tam Tòa) nối 2 tỉnh Ninh Bình và Nam Định thuộc xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Theo đề xuất của UBND tỉnh Ninh Bình, bắt đầu từ nút giao Mai Sơn, tuyến vượt qua Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc – Nam, đi qua địa phận 2 huyện Yên Mô và Yên Khánh, giao với Quốc lộ 10 tại vị trí cuối tuyến tránh Yên Ninh, huyện Yên Khánh và kết nối vào cầu vượt sông Đáy (cầu Tam Tòa nối 2 tỉnh Ninh Bình, Nam Định) để sang tỉnh Nam Định.

Dự án sẽ xây dựng tuyến cao tốc 4 làn xe hoàn chỉnh, vận tốc thiết kế 120 km/h, bề rộng nền đường 24,75m, bề rộng mặt đường 15 m. Hình thức đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng, đoạn qua Ninh Bình là đầu tư công.

Với quy mô đầu tư như trên, Dự án có tổng mức đầu tư khoảng 8.450 tỷ đồng,

## **Thái Nguyên sẽ có thêm khu đô thị hơn 2.200 tỷ đồng Sông Công**

UBND tỉnh Thái Nguyên vừa chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị dịch vụ số 1, xã Tân Quang, thành phố Sông Công.

Theo đó, Khu đô thị dịch vụ số 1, xã Tân Quang có quy mô dân số khoảng 5.100 người, tổng diện tích gần 31,5ha. Trong đó đất ở gần 13,2ha; đất công cộng 2,42ha; đất cây xanh 2,79ha; đất hạ tầng kỹ thuật 1,54ha; đất trường học 1,02ha; đất giao thông 10,57ha.

Về quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến, dự án sẽ đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên tổng diện tích đất đề xuất dự án là 31,5ha gồm các hạng mục công trình chính như hệ thống các tuyến đường giao thông; san nền, chuẩn bị kỹ thuật; cây xanh; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải và vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện, chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc.

Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm tính từ ngày nhà đầu tư được cơ quan có

trong đó chi phí xây dựng chính tuyến và đường gom là 3.658 tỷ đồng; xây dựng cầu, hầm chui, cống lớn là 1.597 tỷ đồng.

UBND tỉnh Ninh Bình cho biết là địa phương sẽ bố trí 2.000 tỷ đồng thực hiện GPMB và một số chi phí có liên quan khác, trong đó trước năm 2025 là 1.500 tỷ đồng, sau năm 2025 bố trí 500 tỷ đồng. Phần vốn còn lại (6.450 tỷ đồng), UBND tỉnh Ninh Bình kiến nghị Chính phủ hỗ trợ theo tiến độ triển khai Dự án.

Nếu phương án này được chấp thuận, UBND tỉnh Ninh Bình cam kết sẽ hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục đầu tư để khởi công công trình trong vòng 1 năm; khởi công công trình từ năm 2024 và hoàn thành vào năm 2026.

Ngoài việc kết nối với tuyến cao tốc Mai Sơn – Quốc lộ 45 sắp hoàn thành, giảm tải cho tuyến Mai Sơn Cao Bò qua trung tâm TP. Ninh Bình, tuyến Mai Sơn – cầu Tam Tòa còn kết nối giao thông toàn khu vực phía Đông tỉnh Ninh Bình, huyện Nga Sơn – Thanh Hóa, phát huy Quốc lộ 10, đường ven biển, trục giao thông Đông – Tây của Ninh Bình.

thẩm quyền quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến từ năm 2023 đến quý 3/2026.

Theo tính toán tổng chi phí thực hiện dự án là hơn 2.278 tỷ đồng, chưa bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trước đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cũng vừa công bố danh mục dự án mời gọi nhà đầu tư quan tâm đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị Quyết Thắng, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên.

Dự án Khu đô thị Quyết Thắng có tổng diện tích 43ha, trong đó, đất ở 14,7ha; đất dịch vụ - công cộng 4,44ha; đất cây xanh mặt nước 6,29ha; đất hạ tầng kĩ thuật 17,59ha.

Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án Khu đô thị Quyết Thắng là 1.496,1 tỷ đồng, trong đó nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án phải huy động 749,96 tỷ đồng; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 746,1 tỷ đồng.

## Lạng Sơn đề xuất hỗ trợ 2.500 tỷ đồng xây đoạn cao tốc Hữu Nghị đi Tân Thanh - Cốc Nam

UBND tỉnh Lạng Sơn vừa có công văn gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022 để đầu tư đoạn tuyến cao tốc từ Hữu Nghị đi Tân Thanh - Cốc Nam kết nối với tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh.

Cụ thể, UBND tỉnh Lạng Sơn cho biết, đoạn tuyến cao tốc từ Hữu Nghị đi Tân Thanh - Cốc Nam dự kiến dài 17 km, quy mô 4 làn xe kết nối 3 cửa khẩu là Hữu Nghị, Tân Thanh và Cốc Nam, có tổng mức đầu tư khoảng 3.500 tỷ đồng.

Tuyến kết nối Hữu Nghị với cửa khẩu Tân Thanh và cửa khẩu Cốc Nam gồm 2 đoạn. Đoạn tuyến số 1 có điểm đầu Km0+00 tại nút giao IC02 (Km7+700) - cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng; điểm cuối Km14+356 tại nút giao giữa Quốc lộ 4A và đường đi vào khu cửa khẩu Tân Thanh; chiều dài khoảng 15 km.

Đoạn tuyến số 2 có điểm đầu Km0+00 tại nút giao với tuyến nối cửa khẩu Hữu Nghị với cửa khẩu Tân Thanh - Cốc Nam (Km7+480); điểm cuối tại Km1+876 tại nút giao giữa Quốc lộ 4A và đường đi vào cửa khẩu Cốc Nam; chiều dài khoảng 2 km.

Đây là dự án nhóm A, có mức vốn đầu tư lớn và do điều kiện của Tỉnh còn nhiều

khó khăn nên UBND tỉnh Lạng Sơn đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ khoảng 2.500 tỷ đồng từ nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022 cho Tỉnh để thực hiện đoạn tuyến này. Phần vốn còn lại, UBND tỉnh Lạng Sơn sẽ thu xếp từ ngân sách địa phương để thực hiện.

Nếu được hỗ trợ từ Trung ương, UBND tỉnh Lạng Sơn cam kết trong tháng 4/2023 sẽ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, tháng 6/2023 hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và tháng 11/2023 hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công; thực hiện công tác giải phóng mặt bằng từ tháng 6/2023 đến tháng 3/2024; khởi công Dự án tháng 12/2023; phần đầu hoàn thành Dự án trong năm 2025.

Đối với đoạn tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (dài 43 km) vẫn sẽ được UBND tỉnh Lạng Sơn thực hiện theo hình thức PPP.

Được biết, Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng từng bao gồm cả đoạn tuyến kết nối cửa khẩu Tân Thanh, cửa khẩu Cốc Nam, có chiều dài toàn tuyến là 60km; trong đó, đoạn Chi Lăng - Hữu Nghị dài 43km, đoạn Hữu Nghị - Tân Thanh - Cốc Nam dài 17km.

## VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH MỚI

### Sửa đổi Thông tư về Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN

Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 3 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN.

Thông tư này có hiệu lực từ 1/4/2023.

Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 10/2019/TT-BCT ngày 22/7/2019 và Thông tư số 25/TT-BCT ngày 14/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 3/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN.

## **Ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 nhằm phối hợp thực hiện có hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý tại Quyết định số 204/QĐ-BC, ngày 9 tháng 2 năm 2023.

Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 của Bộ Công Thương được ban hành với mục đích thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai và phối hợp thực hiện có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc quản lý ngành Công Thương.

Bên cạnh đó, Kế hoạch cũng nhằm đẩy mạnh hoạt động cung cấp thông tin pháp luật cho doanh nghiệp; tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp; tiếp nhận vướng mắc và giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp...

Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp thông qua đó giúp doanh nghiệp nắm bắt kịp thời, đầy đủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực nhà nước của Bộ Công Thương, tạo hành lang pháp lý an toàn, hiệu quả cho hoạt động và phát triển của doanh nghiệp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

## **Tổng Cục Thuế hướng dẫn phương án phân đoạn người nộp thuế**

Tổng Cục Thuế có Quyết định 18/QĐ-TCT ngày 12/01/2023 ban hành Quy trình áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế.

Theo đó, trước khi thực hiện xây dựng bộ tiêu chí, đánh giá tuân thủ pháp luật thuế, phân loại mức độ rủi ro người nộp thuế và áp dụng các biện pháp quản lý thuế, cơ quan thuế thực hiện phân đoạn người nộp thuế.

Các phương án phân đoạn người nộp thuế bao gồm:

- Phân đoạn theo đối tượng: người nộp thuế là cá nhân; người nộp thuế là doanh nghiệp; người nộp thuế là tổ chức khác.

- Phân đoạn theo quy mô người nộp thuế (lớn, vừa, nhỏ) được xác định bằng: doanh thu hoặc tổng thu nhập; quy mô vốn, tài sản; số tiền nộp NSNN; lợi nhuận kế toán trước thuế; số lượng NLD tùy

thuộc vào tình hình cụ thể từng thời kỳ, địa bàn hoạt động.

- Phân đoạn theo ngành kinh tế ban hành kèm theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018.

- Phân đoạn theo loại hình doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Phân đoạn theo địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh (theo phân cấp hành chính).

- Phân đoạn theo khu vực kinh tế: khu vực kinh tế có vốn nhà nước, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (tư nhân).

- Phân đoạn theo tiêu chí khác phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý thuế. Quyết định 18/QĐ-TCT có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

-----o0o-----

Thông tin thương mại: Số đặc biệt tháng

Giấy phép xuất bản số: 54/GP- XBTT do Cục Báo Chí cấp ngày 26/8/2022

In tại: Hà Nội

Số lượng: 250 bản Kỳ hạn xuất bản: 02 số/tháng